

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA-VŨNG TÀU
KHOA KINH TẾ BIỂN – LOGISTICS



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**ĐỀ TÀI: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ
KINH DOANH XUẤT KHẨU HÀNG SURIMI BẰNG
ĐƯỜNG BIỂN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO (COIMEX)**

Trình độ đào tạo: Đại học

Hệ đào tạo: Chính quy

Ngành: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

Chuyên ngành: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

Khoá học: 2021

Lớp: DH21LG1

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Ngô Thị Tuyết

Sinh viên thực hiện: Võ Thị Mỹ Duyên

Mã SV: 21030283

Bà Rịa – Vũng Tàu, tháng 01 năm 2025

LỜI CẢM ƠN

Đầu tiên, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu và tập thể giảng viên, cán bộ nhà trường đã giảng dạy em trong suốt bốn năm học vừa qua. Đặc biệt, em xin bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc đến giảng viên hướng dẫn của em là cô ThS. Ngô Thị Tuyết đã chỉ bảo tận tình, truyền đạt những kiến thức quý báu cũng như cho em những lời khuyên hữu ích để em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Đồng thời, em xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo Công ty CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO (COIMEX) đã cho em cơ hội được thực tập, học hỏi và làm việc tại công ty. Em cảm ơn các anh, chị trong các phòng ban đã tạo điều kiện cho em tiếp cận được những số liệu cũng như những kiến thức thực tế để hoàn thiện bài báo cáo này.

Tuy nhiên, do vốn kiến thức còn nhiều hạn chế nên chắc chắn bài báo cáo này khó có thể tránh khỏi những thiếu sót, mong quý thầy cô xem xét và góp ý để bài báo cáo của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chúc quý thầy cô dồi dào sức khỏe và thành công hơn nữa trong sự nghiệp giảng dạy. Kính chúc các anh chị trong công ty có nhiều sức khỏe và gặt hái được nhiều thành công hơn trong công việc.

Em xin chân thành cảm ơn!

Vũng Tàu, ngày 08 tháng 01 năm 2025

Võ Thị Mỹ Duyên

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VÀ CỤM TỪ VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC BẢNG	v
DANH MỤC BIỂU ĐỒ	v
DANH MỤC SƠ ĐỒ	v
DANH MỤC HÌNH ẢNH	vi
LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO (COIMEX).....	4
1.1. Thông tin chung về Công ty COIMEX	4
1.1.1. Thông tin chung	4
1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của COIMEX	6
1.1.3. Sơ đồ tổ chức và chức năng nhiệm vụ các phòng ban của công ty	7
1.1.4. Một số thành tựu của công ty	10
1.2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty giai đoạn 2021 - 2023	10
1.2.1. Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh	10
1.2.2. Đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty	11
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA BẰNG CONTAINER	14
2.1. Tổng quan về container	14
2.1.1. Khái niệm	14
2.1.2. Tiêu chuẩn hóa container	15
2.1.3. Phân loại container	15
2.1.2. Lợi ích của vận tải container	18
2.2. Các chứng từ sử dụng trong vận tải Container đường biển	18
2.2.1. Vận đơn đường biển (Bill of Lading - B/L)	18
2.2.2. Giấy chứng nhận xuất xứ (Certificate of Origin - C/O)	20
2.3.3. Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)	20
2.2.4. Phiếu đóng gói hàng hóa (Packing List)	21
2.3.5. Booking note/ Booking confirmation	22
2.2.6. Tờ khai hải quan (Customs Declaration)	24
2.3.7. Shipping Instruction (S/I)	24
2.3.8. Giấy báo hàng đến (Arrival Notice - A/N)	25
2.3.9. Lệnh giao hàng (Delivery Order - D/O)	26

2.3.10. Thư tín dụng (Letter of Credit - L/C)	26
CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU MẶT HÀNG SURIMI CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO (COIMEX) ..	29
3.1. Quy trình xuất khẩu của COIMEX	29
3.1.1. Sơ đồ quy trình xuất khẩu chung.....	29
3.1.2. Diễn giải quy trình xuất khẩu của COIMEX.....	30
3.1.3. Minh họa thực tiễn cho hoạt động xuất khẩu của COIMEX.....	35
3.2. Đánh giá hoạt động xuất khẩu hàng Surimi bằng container của Công ty CP Thủy sản và Xuất nhập khẩu Côn Đảo (COIMEX)	42
3.2.1. Đánh giá sản lượng hàng Surimi xuất khẩu theo thời gian của Công ty.....	42
3.2.2. Đánh giá doanh thu hàng Surimi xuất khẩu bằng container theo thị trường của Công ty	45
3.3. Phân tích hoạt động xuất khẩu hàng Surimi theo ma trận SWOT	47
3.3.1. Điểm mạnh (Strenghts)	47
3.3.2. Điểm yếu (Weaknesses)	47
3.3.3. Cơ hội (Opportunities)	47
3.3.4. Thách thức (Threats)	48
3.3.5. Đánh giá hoạt động xuất khẩu hàng Surimi theo ma trận SWOT	48
CHƯƠNG 4: MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH DOANH XUẤT KHẨU HÀNG HÓA BẰNG ĐƯỜNG BIỂN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO (COIMEX)	50
4.1. Giải pháp xuất nhập khẩu hàng hóa bằng đường biển của Công ty COIMEX.....	50
4.1.1. Giải pháp mở rộng thị trường và tăng hiệu quả xuất khẩu của Công ty	50
4.1.2. Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động phòng kinh doanh	51
4.1.3. Giải pháp khắc phục trong trường hợp tàu trễ lịch	51
4.1.4. Giải pháp khắc phục trong tiếp nhận và xử lý chứng từ	54
4.2. Kiến nghị đề xuất phía Công ty cổ phần Thủy sản và Xuất nhập khẩu Côn Đảo (COIMEX) về phía các ban ngành	55
KẾT LUẬN	57
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	58
PHỤ LỤC	59

DANH MỤC TỪ VÀ CỤM TỪ VIẾT TẮT

STT	CHỮ VẾT TẮT	DIỄN GIẢI TIẾNG ANH	DIỄN GIẢI TIẾNG VIỆT
1	CP		Cổ phần
2	XNK		Xuất nhập khẩu
3	TEU	Twenty-foot equivalent units	Đơn vị đo lường container
4	FWD	Forwarder	
5	ISO	International Organization for Standardization	Tổ chức tiêu chuẩn hóa Quốc tế
6	B/L	Bill of Lading	Vận đơn đường biển
7	D/O	Delivery Oder	Lệnh giao hàng
8	C/O	Certificate of Origin	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa
9	A/N	Arrival Notice	Giấy báo hàng đến
10	L/C	Letter of Credit	Thư tín dụng
11	PO	Purchase Order	Đơn đặt hàng
12	PI	Proforma Invoice	Hóa đơn chiếu lệ
13	EU	European Unio	Liên minh châu Âu

DANH MỤC BẢNG

STT	TÊN BẢNG	TRANG
1	Bảng 1.4. Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của COIMEX.	11
2	Bảng 2.2. Tham số kỹ thuật của 7 loại container thuộc xêri 1 theo tiêu chuẩn của ISO.	15
3	Bảng 3.1. Quy trình xuất khẩu chung.	30
4	Bảng 3.6. Sản lượng hàng Surimi xuất khẩu bằng container của Công ty CP Thủy sản và Xuất nhập khẩu CÔN ĐẢO (COIMEX) theo thời gian giai đoạn 2022 - 2023.	42
5	Bảng 3.8. Doanh thu xuất khẩu hàng Surimi bằng container của Công ty CP Thủy sản và Xuất nhập khẩu CÔN ĐẢO (COIMEX) theo thời gian giai đoạn 2022 - 2023.	45
6	Bảng 3.10. Đánh giá hoạt động xuất khẩu hàng Surimi theo ma trận SWOT.	48
7	Bảng 4.1. Số chuyến tàu từ Việt Nam sang Hàn Quốc của các hãng tàu.	52

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

STT	TÊN BIỂU ĐỒ	TRANG
1	Biểu đồ 1.5. Doanh thu của COIMEX giai đoạn 2021 - 2023.	11
2	Biểu đồ 1.6. Sản lượng sản xuất mặt hàng Surumi của COIMEX.	12
3	Biểu đồ 3.7. Sản lượng hàng Surimi xuất khẩu bằng container của Công ty theo thời gian giai đoạn 2022 - 2023.	43
4	Biểu đồ 3.9. Doanh thu xuất khẩu hàng Surimi bằng container của Công ty theo thời gian giai đoạn 2022 - 2023.	45

DANH MỤC SƠ ĐỒ

STT	TÊN SƠ ĐỒ	TRANG
1	Sơ đồ 1.3. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty cổ phần thủy sản & XNK Côn Đảo.	7
2	Sơ đồ 3.3. Quy trình khai báo C/O.	35
3	Sơ đồ 4.5. Quy trình tiếp nhận và xử lý chứng từ.	54

DANH MỤC HÌNH ẢNH

STT	TÊN HÌNH	TRANG
1	Hình 1.1. Trụ sở văn phòng chính của Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Và Xuất Nhập Khẩu CÔN ĐẢO (COIMEX) tại Tp. Vũng Tàu.	4
2	Hình 1.2. LOGO của Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Và Xuất Nhập Khẩu CÔN ĐẢO (COIMEX).	5
3	Hình 2.1. Doanh nhân người Mỹ Malcom McLean với các container Sea-Land của mình.	14
4	Hình 2.3. Mẫu Bill of Lading.	19
5	Hình 2.4. Mẫu C/O.	20
6	Hình 2.5. Mẫu hóa đơn thương mại.	21
7	Hình 2.6. Mẫu Packing List.	22
8	Hình 2.7. Booking note của hãng tàu One.	23
9	Hình 2.8. Mẫu lệnh cấp container rỗng thực tế.	23
10	Hình 2.9. Mẫu tờ khai hải quan.	24
11	Hình 2.10. Mẫu SI	25
12	Hình 2.11. Mẫu A/N.	26
13	Hình 2.12. Mẫu D/O.	26
14	Hình 2.13. Ví dụ về L/C.	27
15	Hình 3.2. Hình ảnh trang web khai báo C/O.	34
16	Hình 3.4. Thông tin phân luồng tại VNACCS.	38
17	Hình 3.5. Minh họa khai báo C/O trên trang Ecosys.	40
18	Hình 4.2. Thông tin các chuyến tàu từ Việt Nam sang Hàn Quốc của hãng tàu T.S. LINES.	52
19	Hình 4.3. Thông tin các chuyến tàu từ Việt Nam sang Hàn Quốc của hãng tàu ONE.	53
20	Hình 4.4. Thông tin các chuyến tàu từ Việt Nam sang Hàn Quốc của hãng tàu Hapag-Lloyd.	53

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào thị trường quốc tế và đã có những bước chuyển biến lớn vào quá trình toàn cầu hóa nền kinh tế. Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam đã từng bước gia nhập vào các tổ chức quốc tế như: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), diễn đàn hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC),... Ngoài ra, Việt Nam cũng đã ký kết nhiều hiệp định thương mại song phương, đa phương với nhiều quốc gia trên thế giới. Đây là các điều kiện thuận lợi để thúc đẩy cho sự phát triển của hàng hóa trong nước nhằm cạnh tranh với thị trường các nước trên thế giới cũng như các hoạt động xuất nhập khẩu của nước ta.

Với ưu thế về chi phí vận tải và khả năng vận chuyển khối lượng lớn, đường biển là kênh giao thương quan trọng giúp các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh. Tuy nhiên, các doanh nghiệp hiện nay đang gặp không ít khó khăn trong việc tối ưu hóa chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động và đối phó với những biến động trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Để có thể tìm hiểu rõ hơn cũng như xuất phát từ nhu cầu thực tế Công ty Cổ phần Thủy sản và Xuất nhập khẩu Côn Đảo (COIMEX) – một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu thủy sản, việc nghiên cứu và đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả kinh doanh xuất khẩu bằng đường biển là rất cần thiết. Đề tài **“Một số giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh xuất khẩu hàng Surimi bằng đường biển của Công ty Cổ phần Thủy sản và Xuất nhập khẩu Côn Đảo (COIMEX)”** được em lựa chọn với mong muốn tìm hiểu sâu về hoạt động xuất khẩu của công ty, từ đó đóng góp một phần ý tưởng nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu đề tài: Tìm hiểu và đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh xuất khẩu hàng hóa bằng đường biển của COIMEX, từ đó đề xuất một số giải pháp khả thi nhằm tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty trong thị trường quốc tế.

Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Tìm hiểu và phân tích tình hình xuất khẩu của COIMEX, tập trung vào hoạt động vận tải đường biển.

- Đề xuất một số giải pháp cải thiện hiệu quả kinh doanh xuất khẩu của công ty, đặc biệt trong khâu logistics và vận chuyển hàng hóa đường biển.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Báo cáo tài chính, tình hình hoạt động kinh doanh và sản lượng hoạt động xuất nhập khẩu giai đoạn năm 2021 - 2023 và Quy trình xuất khẩu hàng hóa bằng container của Công ty cổ phần Thủy sản và Xuất nhập khẩu Côn Đảo (COIMEX).

Phạm vi nghiên cứu:

- Về nội dung: Đánh giá hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa bằng container của Công ty cổ phần Thủy sản và Xuất nhập khẩu Côn Đảo (COIMEX) giai đoạn năm 2021 -2023 và một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động xuất khẩu của công ty.
- Về không gian: Đề tài được nghiên cứu tại bộ phận Kinh doanh của Công ty cổ phần Thủy sản và Xuất nhập khẩu Côn Đảo (COIMEX) – Địa chỉ: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Về thời gian: Tất cả các số liệu trong đề tài được thu thập trong quá trình thực tập tại công ty và số liệu được công ty cung cấp trong khoảng thời gian từ năm 2021 -2023.

4. Phương pháp nghiên cứu

- **Phương pháp thống kê:** Thu thập số liệu thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động và tài liệu nội bộ mà công ty cung cấp.
- **Phương pháp so sánh:** So sánh các số liệu về hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, các số liệu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty cổ phần Thủy sản và Xuất nhập khẩu Côn Đảo (COIMEX).

5. Kết cấu bài báo cáo:

Nội dung bài báo cáo ngoài phần mở đầu và kết luận sẽ được kết cấu thành 4 chương:

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO (COIMEX)

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA BẰNG CONTAINER

CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU MẶT HÀNG SURIMI CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO (COIMEX)

CHƯƠNG 4: MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH DOANH XUẤT KHẨU HÀNG HÓA BẰNG ĐƯỜNG BIỂN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO (COIMEX)

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO (COIMEX)

1.1. Thông tin chung về Công ty COIMEX

1.1.1. Thông tin chung

Được thành lập đầu tiên là một xí nghiệp đánh bắt hải sản trực thuộc Quân Côn Đảo vào năm 1989. Qua quá trình hình thành và phát triển công ty chuyển thành Công ty Thủy sản và XNK Côn Đảo vào năm 1992 do được sáp nhập của 02 xí nghiệp khai thác hải sản và xuất nhập khẩu, để khai thác dịch vụ, cung ứng hậu cần, vận tải hành khách, xuất khẩu hàng hóa cho huyện Côn Đảo. Cũng thời điểm này Công ty mở văn phòng chính tại thành phố Vũng Tàu và chi nhánh XNK tại TP.HCM để tiện giao dịch.



Hình 1.1. Trụ sở văn phòng chính của CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO (COIMEX) tại Tp. Vũng Tàu.

(Nguồn: Công ty COIMEX)



Hình 1.2. LOGO của CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO (COIMEX).

(Nguồn: Công ty COIMEX)

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO (COIMEX)
- Tên tiếng Anh: CONDAO SEAPRODUCTS AND IMPORT EXPORT JOIN STOCK COMPANY (COIMEX)
- Địa chỉ: 40 Lê Hồng Phong, Phường 4, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Mã thuế: 3500121495
- Điện thoại: 02543 839 914 – 02543 839 362
- Fax: 02543 839 360
- Email: truongbachthe@coimexvn.com hoặc pkd1@coimexvn.com.vn
- Website: www.coimexvn.com.vn
- Vốn điều lệ: 80.086.200.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Nuôi trồng, Chế biến và kinh doanh các sản phẩm hải sản.
 - + Xuất nhập khẩu và những dịch vụ khách hàng, dịch vụ cho thuê kho bãi; đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá và dịch vụ môi giới thương mại; kinh doanh và xuất nhập khẩu các mặt hàng tiêu dùng, ...
- Một số các Đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31/12/2023 gồm có:
 - + Văn phòng
 - + Xí nghiệp Chế biến Hải sản
 - + Công ty CP Thương Cảng Vũng Tàu
- Tổng số CBCNV - LĐ: 325 người

1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của COIMEX

Công ty Thủy sản & XNK Côn Đảo tiền thân là “Xí nghiệp vận tải và khai thác hải sản Bến Đầm” được thành lập theo quyết định số 337/QĐ UB ngày 30/10/1989 của UBND tỉnh BRVT và UBND huyện Côn Đảo làm cơ quan chủ quản.

Ngày 17/09/1992 UBND Tỉnh BRVT quyết định hợp nhất 2 đơn vị trực thuộc huyện Côn Đảo là “Xí nghiệp vận tải và khai thác hải sản Bến Đầm và Công ty sản xuất kinh doanh XNK Côn Đảo” thành “Công ty thủy sản & XNK Côn Đảo”.

Theo quyết định số 578/QĐ-UBT:

- Ngày 23/4/2002 Công ty thủy sản & XNK Côn Đảo được UBND tỉnh BRVT giao cho sở Thủy sản BRVT làm cơ quan chủ quản theo quyết định số 3324/QĐ-UBT.
- Ngày 09/12/2005 Công ty thủy sản & XNK Côn Đảo chuyển thành “Công ty cổ phần thủy sản & XNK Côn Đảo” theo quyết định số 4747/QĐ-UBT của UBND tỉnh BRVT.

Cơ sở pháp lý là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500121495 do Sở Kế Hoạch và đầu tư tỉnh BRVT cấp ngày 30/06/2006. Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Công Ty Cổ Phần Thủy Sản & XNK Côn Đảo chính thức hoạt động theo hình thức cổ phần từ 01/07/2006.

Với nguồn vốn kinh doanh hiện nay là: 80. 086.610.000 đồng. Trong đó:

- ❖ Vốn thuộc sở hữu nhà nước: 27.469.708.000 đồng 34.3%
- ❖ Vốn thuộc sở hữu cổ đông: 52.616.902.000 đồng 65.7%

Hoạt động chính của công ty là khai thác đánh bắt hải sản, có thời điểm công ty có tới 30 tàu đánh bắt, có nhiều tàu công suất 500CV đánh bắt xa bờ. Tuy nhiên nghề đánh bắt không đem lại lợi nhuận nhiều, do phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên biển cả và thời tiết. Đặc biệt là kết quả đánh bắt thu hoạch được là những loại cá tạp chiên đa số, loại cá này lúc đó chỉ là cá phân, bán cho các vựa làm thức ăn gia súc, với giá rất rẻ mạt. Nhiều chuyến biển đánh bắt về không đủ chi phí.

Trước thực cảnh quá nhiều cá biển đánh bắt không bán đi được, phải bỏ đi trong khi cả nước chưa có phương tiện hay hệ thống chế biến nào để xử lý các loại cá tạp. Ban lãnh đạo công ty đã đi ra ngoài tìm hiểu công nghệ để chế biến những con cá tạp ấy thành sản phẩm.

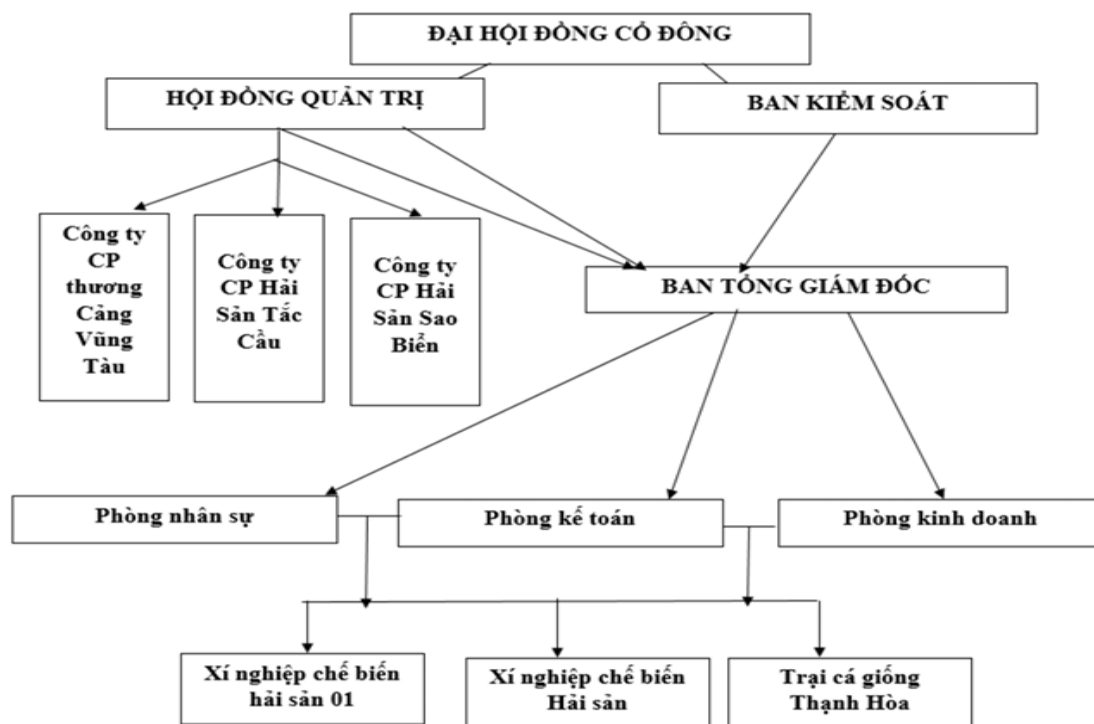
Hàn Quốc, Nhật Bản là nơi lãnh đạo công ty đến học hỏi và đưa công nghệ chế

biển Surumi và Surumi mô phỏng về Việt Nam. Năm 1995 công ty mở nhà máy chế biến chả cá surimi đầu tiên của Việt Nam với công nghệ thiết bị của Hàn Quốc và Nhật Bản. Tất cả các loại cá tạp, chất lượng không cao đã được thu gom sản xuất xuất khẩu mang kim ngạch về cho đất nước, rất nhiều ngư dân và các ngành hỗ trợ biển cũng được hưởng lợi từ hoạt động này, giá bán cá tạp từ lúc đầu với giá bán rẻ mạt không người mua, đến nay giá bán tăng lên rất nhiều lần. Công ty không ngừng học hỏi để mở rộng sản xuất các mặt hàng từ nguyên liệu chả cá surimi- đó là dòng sản phẩm mô phỏng được nhiều nước ưa chuộng trên thế giới.

Trải qua hơn 20 năm, từ một doanh nghiệp địa phương nhỏ hẹp về cơ chế hoạt động, cán bộ nhân viên ít ỏi, trang thiết bị cũ kỹ lạc hậu với vốn kinh doanh không đủ hoạt động, văn phòng làm việc không có Coimex đã có những bước đột phá vượt bậc thành một công ty có quy mô hoạt động toàn quốc, có thị phần xuất khẩu lớn ở nhiều quốc gia trên thế giới, kim ngạch xuất khẩu đứng nhất nhì cả nước về xuất khẩu chả cá Surimi, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có tay nghề chuyên môn cao, công nghệ chế biến hiện đại, Coimex ngày nay đã vượt ra khỏi tầm hoạt động địa phương và khẳng định được thương hiệu trên thị trường thế giới.

1.1.3. Sơ đồ tổ chức và chức năng nhiệm vụ các phòng ban của công ty

❖ Sơ đồ tổ chức



Sơ đồ 1.3. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty cổ phần thủy sản & XNK Côn Đảo.

(Nguồn: COIMEX)

❖ **Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban:**

– **Đại hội đồng cổ đông:**

Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền quyết định cao nhất trong công ty cổ phần. Thông qua các định hướng phát triển của công ty. Quyết định về các loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán.

– **Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị là bộ phận có quyền giải quyết mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trực tiếp quản lý, điều hành công ty cổ phần, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- + Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty.
- + Chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch hằng năm của công ty.
- + Các dự án và phương án đầu tư trong thẩm quyền.
- + Thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

– **Ban kiểm soát:**

Là tổ chức thay mặt Giám đốc kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty

– **Ban tổng giám đốc:**

Là người quản lý và giám sát tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty, con người cũng như các hoạt động hợp tác của doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về trách nhiệm quản lý và điều hành.

Là người điều hành trực tiếp làm việc, điều hành và hiểu rõ về hoạt động của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, tổng giám đốc cũng là người trực tiếp giám sát hoạt động của đội ngũ quản lý cơ cấu của doanh nghiệp.

– **Phòng kế toán:**

- + Lập kế hoạch tài chính tháng, quý và năm.
- + Quản lý tài sản, vật tư, tiền vốn của đơn vị, hạch toán kết quả sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp.
- + Kiểm tra giám sát việc thu chi của xí nghiệp đảm bảo đúng nguyên tắc, chế độ tài chính của Công ty và nhà nước quy định.

- + Làm báo tài chính và quyết đoán tài chính của xí nghiệp.
- + Thực hiện pháp lệnh kế toán- thống kê, các quy định điều lệ quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh và các quy định hiện hành khác.
- + Thực hiện quá trình quản lý tài chính tại công ty, đảm bảo theo dõi đầy đủ về mọi quá trình sử dụng nguồn vốn và tài sản của công ty.
- + Xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn và dài hạn của công ty, có tính chất chiến lược, các biện pháp bảo toàn vốn.
- **Phòng kinh doanh:**
 - + Thực hiện công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm của doanh nghiệp.
 - + Tiếp cận mở rộng phạm vi thị trường và khách hàng tiềm năng.
 - + Lên chiến lược phát triển cho hoạt động kinh doanh của công ty, từ khâu sản xuất sản phẩm tới việc gia nhập thị trường và xây dựng quan hệ với khách hàng.
 - + Giám sát tiến độ thực hiện chiến lược kinh doanh, đảm bảo theo đúng quy trình và kế hoạch.
 - + Phụ trách tìm hiểu thông tin, đàm phán, ký kết hợp đồng với khách hàng, đối tác.
 - + Xây dựng chính sách bán hàng với lợi ích hấp dẫn riêng biệt cho từng nhóm khách hàng.
 - + Lên kế hoạch và thực hiện các hoạt động gia tăng độ tin nhiệm của khách hàng đối với công ty, duy trì và mở rộng lượt khách hàng mới.
 - + Quản lý hồ sơ thông tin khách hàng một cách khoa học, cẩn thận.
 - + Phòng ban chịu trách nhiệm chính đối với công việc kinh doanh của công ty.
- **Phòng nhân sự:**
 - + Tuyển dụng lao động, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật.
 - + Đào tạo, tập huấn trong nội bộ hoặc cử học bên ngoài.
 - + Xây dựng các chính sách về lương, thưởng, phúc lợi xã hội của công ty.
 - + Làm công tác lễ tân, hành chánh; lưu trữ văn bản đến đi; điều động xe, ...
 - + Trợ lý cho Ban lãnh đạo.
 - + Soạn thảo văn bản.

1.1.4. Một số thành tựu của công ty

Từ năm 1992 đến nay với thành tích nhiều năm liên tục hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước và các nhiệm vụ công tác khác, công ty được tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý:

- + Huân chương lao động hạng III năm 1993; 2011.
- + Huân chương lao động hạng II năm 1996.
- + Huân chương lao động hạng I năm 2006.
- + Huân chương chiến công hạng III năm 1996.
- + Huân chương độc lập hạng III năm 2011.
- + Cờ luân lưu Chính phủ tặng đơn vị dẫn đầu trong các phong trào thi đua các năm 1995; 1997; 1998; 1999; 2000; 2002; 2003; 2004; 2008 và 2011.
- + Cờ thi đua đơn vị xuất sắc của Bộ Thủy Sản năm 1992; 1993; 1994; 1995; 1996.
- + Bằng khen của Bộ Thương Mại (Bộ Công Thương) tặng đơn vị có thành tích kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước 2000; 2001; 2002; 2005; 2006.
- + Bằng khen UBND tỉnh BR – VT năm 1989 – 1994; 2011; 2012; 2013; 2014.
- + Cờ thi đua Bộ Thương Mại (Bộ Công Thương) năm 1995; 1999; 2011; 2012; 2013.
- + Cờ thi đua UBND tỉnh BR - VT năm 2007; 2008; 2009; 2010; 2011.
- + Chất lượng vàng thủy sản Việt Nam lần 1 năm 2009 và lần 2 năm 2011.

1.2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty giai đoạn 2021 - 2023

1.2.1. Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh

Nội dung	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1-Doanh thu	Tỷ đồng	408	583	501
2- Sản lượng sản xuất				
- Sản xuất Surimi	Tấn	6.938	9.433	8.316
- Surimi mô phỏng	Tấn	2.013	2.697	2.142

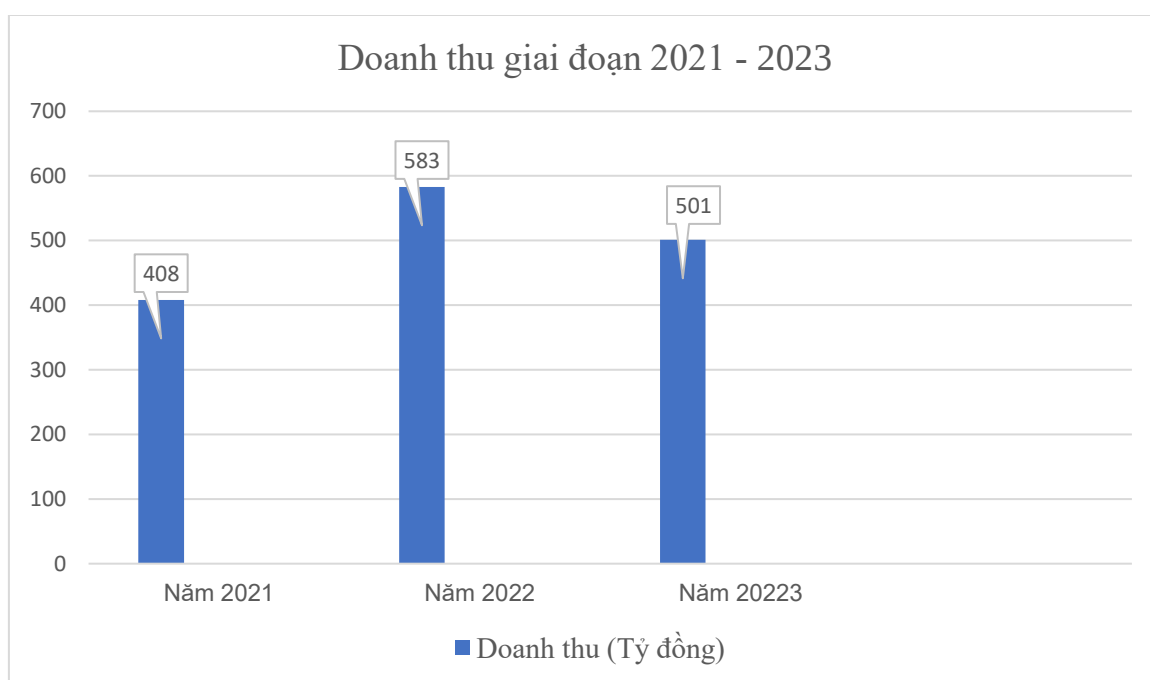
3- Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	15,7	20,9	18,4
4- Tài chính	Tỷ đồng			
Lợi nhuận sau thuế		11,1	21,6	15
Trong đó:				
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD		11,7	19,6	11,8
Lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính		2,6	2,0	3,2
Lợi nhuận khác		(3,2)	0	0

Bảng 1.4. Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của COIMEX.

(Nguồn: Tài liệu nội bộ của COIMEX)

1.2.2. Đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty

Dựa vào bảng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Thủy sản và Xuất nhập khẩu Côn Đảo, có thể thấy đây là giai đoạn có nhiều bước tiến lớn vượt bậc của công ty. Bằng việc tiếp tục vững bước với mục tiêu đã định, công ty đã đẩy mạnh đầu tư vào các lĩnh vực thế mạnh của mình nhằm tăng tính cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Tăng sự liên kết giữa các chi nhánh nhằm xây dựng mạng lưới dịch vụ mang tầm quốc tế và nhờ đó mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Điều đó thể hiện qua:



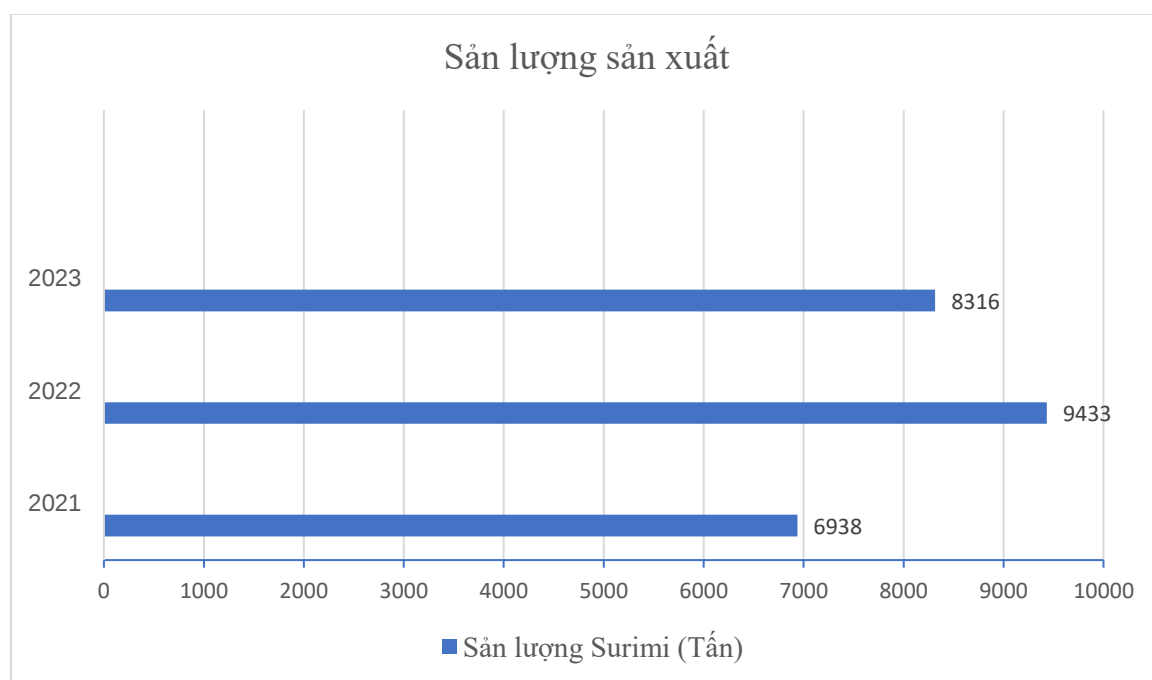
Biểu đồ 1.5. Doanh thu của COIMEX giai đoạn 2021 - 2023.

(Nguồn: COIMEX)

Đối với doanh thu bán hàng của công ty giai đoạn 2021 - 2023 có thể thấy doanh thu tăng mạnh qua các năm. Doanh thu năm 2021 của công ty COIMEX là 408 tỷ đồng so với doanh thu năm 2022 là 583 tỷ đồng tăng 175 tỷ đồng (tương ứng là tăng 42,9%).

Đặc biệt là năm 2023, mức doanh thu được ghi nhận là 501 đồng Giảm khoảng 14% so với năm trước nhưng vẫn cao hơn so với năm 2021. Công ty có sự tăng trưởng doanh thu ấn tượng trong năm 2022 nhưng lại giảm nhẹ vào năm 2023. Trong năm 2023, các cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đều nằm trong quyết định di dời theo quyết định của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, điều này dẫn đến công ty không mạnh dạn đầu tư nâng cấp mở rộng sản xuất. Ngoài ra, các vấn đề nguồn cung nguyên liệu giảm dẫn đến doanh thu có sự giảm nhẹ trong năm 2023.

Trong năm 2022, ghi nhận kim ngạch xuất khẩu đạt 20,9 triệu USD tăng 33,1% so với kim ngạch xuất khẩu của năm 2021. Năm 2023, có dấu hiệu giảm nhẹ khi kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt ở mức 18,4 triệu USD giảm 2.5 triệu USD so với năm 2022. Nguyên nhân có thể do biến động thị trường quốc tế, cạnh tranh khốc liệt hoặc nhu cầu từ các khách hàng nước ngoài sụt giảm. Việc duy trì và mở rộng xuất khẩu sẽ là yếu tố quan trọng để đảm bảo sự tăng trưởng ổn định trong tương lai.



Biểu đồ 1.6. Sản lượng sản xuất mặt hàng Surimi của COIMEX.

(Nguồn: COIMEX)

Trong những năm gần đây, sản lượng sản xuất Surimi đã có những biến động đáng kể, phản ánh sự thay đổi trong nhu cầu thị trường cũng như điều kiện sản xuất. Cụ thể, năm 2022 ghi nhận sản lượng đạt 9.433 tấn, tăng 36% so với năm 2021 (6.938 tấn), cho thấy sự phát triển mạnh mẽ của ngành sản xuất này. Tuy nhiên, đến năm 2023, sản lượng giảm xuống còn 8.316 tấn, nguyên nhân do nguồn nguyên liệu chính để làm ra sản phẩm của công ty hoàn toàn lệ thuộc vào hoạt động khai thác đánh bắt của ngư dân.

Ngoài ra, những tranh chấp căng thẳng trong vùng biển Đông kéo dài, vấn đề về thẻ vàng Châu Âu cũng kéo theo rất nhiều những thủ tục pháp lý làm cho ngư dân khó khăn trong việc ra khơi đánh bắt. Do đó làm cho nguyên vật liệu, nhiên liệu càng khan hiếm và giá cả tăng cao ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2023.

Ngoài ra, các hoạt động đầu tư tài chính khác cũng đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp như lợi nhuận đầu tư tài chính sau thuế năm 2021 đạt 2,6 tỷ đồng, năm 2022 đạt 2 tỷ đồng, năm 2023 lợi nhuận từ hoạt động này là 3,2 tỷ đồng.

Qua kết quả hoạt động kinh doanh đã đạt được trong giai đoạn 2021 - 2023, có thể thấy doanh nghiệp có sự tăng trưởng ấn tượng về doanh thu và một số chỉ số tài trong hai năm 2022 và 2023. Tuy nhiên, sự sụt giảm trong năm 2023 cần được phân tích kỹ lưỡng để điều chỉnh chiến lược. Doanh nghiệp nên xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất và xuất khẩu, đồng thời cải thiện quản lý tài chính để tối ưu hóa lợi nhuận. Công ty cần tiếp tục duy trì đà phát triển như hiện nay trong tương lai tới nhằm đạt được mục tiêu mà công ty đã đề ra.

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA BẰNG CONTAINER

2.1. Tổng quan về container

2.1.1. Khái niệm

Container là một công cụ chứa hàng, khối hình chữ nhật, được làm bằng gỗ hoặc bằng kim loại, có kích thước tiêu chuẩn hóa và có sức chứa lớn. Sức chứa của container được tính theo đơn vị TEU (twenty-foot equivalent units) – Là đơn vị tương đương 20 foot (1 foot = 0,3048 m). Do đó người ta thường gọi 1 container 20 feet là 1 TEU. Vì lý do này mà các biến thể container 40 feet ~ 2 TEU, container 45 feet cũng xem như là 2 TEU.

Malcom Purcell McLean (sinh năm 1913) được cho là người đã phát minh ra Container vào khoảng những năm 1935 tại New Jersey – Hoa Kỳ. Với ý tưởng ban đầu là ông ngồi chờ lấy hàng tại những toa tàu tốn kém nhiều thời gian, ông sáng kiến tại sao người ta không dỡ nguyên 1 toa tàu, từ đó container ra đời.



Hình 2.1. Doanh nhân người Mỹ Malcom McLean với các container Sea-Land của mình.
(Nguồn: <https://vsico.com.vn>)

Đến tháng 6 năm 1964, Ủy ban kỹ thuật tổ chức ISO (International Standardizing Organization) đã đưa ra định nghĩa tổng quát về container. Cho đến nay, các nước trên thế giới đều áp dụng định nghĩa này của ISO. Theo ISO – Container là một dụng cụ vận tải có đặc điểm:

- Có hình dáng cố định, bền chắc, để được sử dụng nhiều lần.
- Có cấu tạo đặc biệt để thuận tiện cho việc chuyên chở bằng một hoặc nhiều phương tiện vận tải, hàng hóa không phải xếp dỡ ở cảng dọc đường.

- Có thiết bị riêng để thuận tiện cho việc xếp dỡ và thay đổi từ công cụ vận tải này sang công cụ vận tải khác.
- Có cấu tạo đặc biệt để thuận tiện cho việc xếp hàng vào và dỡ hàng ra.
- Có dung tích không ít hơn 1m³.

2.1.2. Tiêu chuẩn hóa container

Để phương thức chuyên chở container được phát triển và áp dụng rộng rãi đòi hỏi tiến hành nhiều tiêu chuẩn hoá bản 15hem container. Nội dung tiêu chuẩn hóa container gồm có:

- Hình thức bên ngoài.
- Trọng lượng container.
- Kết cấu móc, cửa, khoá container...

Hiện tại nhiều tổ chức thế giới nghiên cứu tiêu chuẩn hóa container, song tổ chức ISO vẫn đóng vai trò quan trọng nhất. Năm 1967, tại Moscow, đại diện tổ chức tiêu chuẩn hóa của 16 nước là hội viên ISO đã chấp nhận tiêu chuẩn hoá container của ủy ban kỹ thuật thuộc ISO.

Sau đây là tham số kỹ thuật của 7 loại container thuộc xêri1 theo tiêu chuẩn của ISO:

Ký hiệu	Chiều Cao		Chiều Rộng		Chiều Dài		Trọng lượng tối đa (Tấn)	Trọng lượng tịnh (Tấn)	Dung tích (m ³)
	foot	mm	foot	mm	foot	mm			
1.A	8.0	2435	8.0	2435	40.0	12.190	30	27	61,0
1A.A	8.0	2435	8.0	2435	40.0	12.190	30	27	61,0
1.B	8.0	2435	8.0	2435	29.1	9.125	25	23	45,5
1.C	8.0	2435	8.0	2435	19.1	6.055	20	18	30,5
1.D	8.0	2435	8.0	2435	9.9	2.990	10	8,7	14,3
1.E	8.0	2435	8.0	2435	6.5	1.965	7	6,1	9,1
1.F	8.0	2435	8.0	2435	4.9	1.460	5	4,0	7,0

Bảng 2.2. Tham số kỹ thuật của 7 loại container thuộc xêri1 Theo tiêu chuẩn của ISO.
(Nguồn: Wikipedia)

2.1.3. Phân loại container

Thực tế container được phân thành nhiều loại dựa trên các tiêu chuẩn khác nhau, cụ thể:

 Phân loại theo kích thước.

- Container loại nhỏ: Trọng lượng dưới 5 tấn và dung tích dưới 3m³.
- Container loại trung bình: Trọng lượng 5 - 8 tấn và dung tích nhỏ hơn 10m³.
- Container loại lớn: Trọng lượng hơn 10 tấn và dung tích hơn 10m³.

Phân loại theo vật liệu đóng container.

Container được đóng bằng loại vật liệu nào thì gọi tên vật liệu đó cho container: container thép, container nhôm, container gỗ dán, container nhựa tổng hợp....

Phân loại theo cấu trúc container.

- Container kín (Closed Container)
- Container mở (Open Container)
- Container khung (France Container)
- Container gập (Tilt Container)
- Container phẳng (Flat Container)
- Container có bánh lăn (Rolling Container)

Phân loại theo công dụng của container.

Theo CODE R688 - 21968 của ISO, phân loại theo mục đích sử dụng, container được chia thành 5 nhóm chủ yếu sau:

Nhóm 1: Container chở hàng bách hóa

Nhóm này bao gồm các container kín có cửa ở một đầu, container kín có cửa ở một đầu và các bên, có cửa ở trên nóc, mở cạnh, mở trên nóc - mở bên cạnh, mở trên nóc - mở bên cạnh - mở ở đầu; những container có hai nửa (half-height container), những container có lỗ thông hơi...

Nhóm 2: Container chở hàng rời (Dry Bulk/Bulker freight container)

Là loại container dùng để chở hàng rời (ví dụ như thóc hạt, xà phòng bột, các loại hạt nhỏ...). Đôi khi loại container này có thể được sử dụng để chuyên chở hàng hóa có miệng trên mái để xếp hàng và có cửa container để dỡ hàng ra. Loại container này giúp tiết kiệm sức lao động khi xếp hàng vào và dỡ hàng ra, nhưng nó cũng có điểm bất lợi là trọng lượng vỏ nặng, số cửa và nắp có thể gây khó khăn trong việc giữ an toàn và kín nước cho container vì nếu nắp nhồi hàng vào nhỏ quá thì sẽ gây khó khăn trong việc xếp hàng có thứ tự.

Nhóm 3: Container bảo ôn/nóng/lạnh (Thermal insulated/ Heated/ Refrigerated/ Reefer container)

Loại container này có sườn, sàn mái và cửa ốp chất cách nhiệt để hạn chế sự di chuyển nhiệt độ giữa bên trong và bên ngoài container, nhiều container loại này có thiết bị làm lạnh hoặc làm nóng được đặt ở một đầu hay bên thành của container hay việc làm lạnh dựa vào những chiếc máy kẹp được gắn phía trước container hoặc bởi hệ thống làm

lạnh trực tiếp của tàu hay bãi container. Nhiều container lại dựa vào sự làm lạnh hỗn hợp (không chế nhiệt độ). Đây là loại container dùng để chứa hàng mau hỏng (hàng rau quả) và các loại container hàng hóa bị ảnh hưởng do sự thay đổi nhiệt độ. Tuy nhiên, vì chỉ có lớp cách điện và nếu có thể tăng 17cm đồng thời lớp cách điện và máy làm lạnh này cũng giảm dung tích chứa hàng của container, sự bảo quản máy móc cũng yêu cầu đòi hỏi cao hơn nếu các thiết bị máy được đặt ở trong container.

Nhóm 4: Container thùng chứa (Tank container)

Dùng để chở hàng hóa nguy hiểm và hàng đóng rời (thực phẩm lỏng như dầu ăn, hóa chất, chở hoá chất...)

Những thùng chứa bằng thép được chế tạo phù hợp với kích thước của ISO dung tích là 20ft hình dáng như một khung sắt hình chữ nhật chứa khoảng 400 gallon (15410 lít) tùy theo yêu cầu loại container này có thể được lắp 17cm thiết bị làm lạnh hay nóng. Nó có ưu điểm là sức lao động yêu cầu để đổ đầy và hút hết (rỗng) là nhỏ nhất và có thể được sử dụng như là kho chứa tạm thời. Tuy nhiên, nó cũng có những khuyết tật, chẳng hạn:

- Giá thành ban đầu cao.
- Giá thành bảo dưỡng cao.
- Các hàng hóa khi cho vào đòi hỏi phải làm sạch thùng chứa(mỗi lần cho hàng vào là một lần làm sạch thùng chứa)
- Khó khăn cho vận chuyển nên hàng bị rơi nhiều (hao phí do bay hơi, rò rỉ...)
- Trọng lượng vỏ cao.

Nhóm 5: Các container đặc biệt (Special container), container chở súc vật sống (Cattle Container).

Những container của ISO được lắp đặt cố định những ngăn chuồng cho súc vật sống và có thể hoặc không thể chuyển đổi thành container phù hợp cho mục đích chuyên chở hàng hóa bách hóa. Loại container này dùng để chuyên chở súc vật sống do vậy nhược điểm chính của nó là vấn đề làm sạch giữa các loại hàng hóa. Trong nhiều quốc gia đó chính là vấn đề kiểm dịch khi các container rỗng dùng để chở súc vật sống quay trở lại dùng để tiếp tục bốc hàng.

Chuyên chở hàng hóa XNK bằng container đang trở nên phổ biến trong vận tải quốc tế. Quy trình kỹ thuật của việc gửi hàng bằng container đòi hỏi nghiêm ngặt từ khi đóng hàng, gửi hàng đến khi dỡ hàng và giao cho người nhận hàng.

2.1.2. Lợi ích của vận tải container

Lợi ích của container hóa là tạo ra một đơn vị vận chuyển đồng nhất bảo vệ hàng hóa tốt hơn, giảm thiểu việc hàng hóa bị mất; khuyến khích cho hoạt động “door to door”, tăng hiệu quả và tiết kiệm chi phí vận tải. Đây là một trong những dịch vụ giao nhận phổ biến với các doanh nghiệp hiện nay.

Đối với chủ hàng:

- ✓ Container giúp bảo vệ hàng hóa, giảm thiểu các tình trạng bị mất cắp, hư hỏng hay nhiễm bẩn.
- ✓ Đơn giản hóa được thủ tục trong quá trình vận chuyển nội địa, chi phí điều hành lưu thông.
- ✓ Vận tải container giúp chuyên chở được khối lượng hàng hóa lớn trong một lần, đảm bảo cho thời gian giao hàng hoặc quá trình sản xuất sản phẩm không bị ngưng trệ.

Đối với đơn vị chuyên chở:

- ✓ Giảm thời gian xếp dỡ, tăng vòng quay khai thác tàu.
- ✓ Tận dụng tối đa trọng tải và dung tích tàu.
- ✓ Giảm khiếu nại của chủ hàng về tổn thất của hàng hoá.
- ✓ Giảm giá thành vận tải.
- ✓ Tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển tải và vận chuyển đa phương thức.

2.2. Các chứng từ sử dụng trong vận tải Container đường biển

2.2.1. Vận đơn đường biển (Bill of Lading - B/L)

Bill of Lading (B/L) – Vận đơn là chứng từ vận chuyển làm bằng chứng về việc người vận chuyển đã nhận hàng hóa với số lượng, chủng loại, tình trạng như được ghi trong vận đơn để vận chuyển đến nơi trả hàng; là bằng chứng về sở hữu hàng hóa dùng để định đoạt, nhận hàng và là bằng chứng của hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển.

** Phân loại vận đơn:*



Căn cứ vào tính sở hữu

- + Straight Bill of Lading (Vận đơn đích danh)
- + To order Bill of Lading (Vận đơn theo lệnh)
- + To bearer Bill of Lading (Vận đơn giao hàng cho người cầm đơn)

✚ Căn cứ vào chủ thể phát hành

- + House B/L (FWD phát hành)
- + Master B/L (Hãng tàu phát hành)

✚ Căn cứ vào hành trình chuyên chở

- + Direct B/L (Vận đơn đi thẳng)
- + Through B/L (Vận đơn chở suốt)
- + Multimodal B/L, Intermodal B/L hay Combined B/L

✚ Căn cứ theo yêu cầu xuất trình tại điểm đến:

- + Original B/L
- + Seaway Bill
- + Surrendered B/L
- + Telex release B/L

BILL OF LADING				SURRENDERED	
Shipper		Booking No.		Number of Original B/L(s)	
		B/L No.		THREE (03)	
Consignee		 ALPHATRANS CO., LTD 5-7 Hoang Viet St, Ward 4, Tan Binh Dist., HCM City, Vietnam Tel: +84-8-3811 3811 - Fax: +84-8-3811 3877 www.vantainhanh.vn - www.atl.vn			
Notify Party (No claim shall attach for failure to notify) NAME AS CONSIGNEE		Delivery Agent			
Place of Receipt HO CHI MINH, VIETNAM	Port of Loading HO CHI MINH, VIETNAM	Place of Delivery GDANSK, POLAND		Freight payable at HO CHI MINH, VIETNAM	
Vessel and Voy No. GREEN HORIZON 1085	Port of Discharge GDANSK, POLAND				
Marks & Nos. Container/Seal No.	No. and kind of container or packages; description of goods	Gross weight	Measurement		
UCL1414700000 00117973776/15766489 SHIPPING MARKS: Delivery address: Packing list #: Package #: Qty: Package I.Wt: G.Wt: Country of origin:	5 PALLETS PART OF CONTAINER S.T.C.: REARVIEW MIRROR HEATER 1 Pallets - 210 CARTONS HS CODE: 85109090	2,119.000KGS	8.0000TMS		
SAY: FIVE PALLETS ONLY		SHIPPED ON BOARD GREEN HORIZON 1085 HO CHI MINH, VIETNAM Jun 16, 2021			
At shipper's head, count, stowage, seal - result of which shipper fully holds. RECEIVED by the Carrier the Goods as specified above in apparent external good order, and condition unless otherwise stated, to be transported to each place or agreed, authorized or permitted herein and subject to all the terms and conditions appearing on the front and reverse side of this Bill of Lading in any local privileges and customs notwithstanding. The particulars given above as stated by the shipper and the weight, measure, quantity, condition, contents and value of Goods are unknown to the Carrier. In witness whereof one (1) original Bill of Lading has been signed if not otherwise stated above, the same being accomplished the electronic, if any, to be used, if required by the carrier (and) original Bill of Lading must be surrendered duly endorsed in exchange for the Goods or Delivery Order.					
Freight details, charges etc.		FREIGHT PREPAID Place and date of issue: HO CHI MINH, VIETNAM JUN 16, 2021 Shipped on board date:			
JURENDU THON: All disputes relating to goods carrier under this bill are to be dealt with in accordance with the jurisdiction clause, clause no.25 on the reverse side of		Stamp and signature: AS AGENT FOR THE CARRIER  ALPHA TRANS CO., LTD. <i>As Agent Only</i>			

Hình 2.3. Mẫu Bill of Lading.
(Nguồn: <https://vantainhanh247.vn/van-don-la-gi/>)

*** Các thông tin cơ bản trên B/L:**

- + B/L no
- + Shipper/ Consignee/ Notify party
- + POL/POD
- + Vessel name/ Voy no
- + Date laden on board

- + Place & Date of issue
- + Freight & charge payable at
- + Service Contract no.
- + Description of Goods
- + Quantity/ G.W/ Measurement
- + Container/Seal no.
- + Shipping Marks

2.2.2. Giấy chứng nhận xuất xứ (Certificate of Origin - C/O)

Giấy chứng nhận xuất xứ thường được viết tắt là C/O (Certificate of Origin) là chứng từ quan trọng trong thương mại quốc tế chứng nhận lô hàng cụ thể được xuất khẩu có xuất xứ thuần túy, hoặc được sản xuất hoặc được chế biến tại một quốc gia cụ thể.

1. Goods consigned from (Exporter's business name, address, country): GK VIET NAM JOINT STOCK COMPANY NO.3 RESIDENCE AREA, TRUNG HUNG WARD, SOMTAY TOWN, HANOI CITY, VIET NAM TEL: 84-4-22157499; FAX: 84-4-35539923		Reference No.: 21178030	
2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country):		4. Competent authority (name, address, country): VIETNAM CHAMBER OF COMMERCE AND INDUSTRY 69 DAO DUY ANH STR., HA NOI, VIETNAM	
3. Means of transport and route (as far as known): SHIPPED: BY SEA FROM: HAI PHONG, VIET NAM TO: BANDAR ABBAS, IRAN		5. For official use:	
6. Marks, numbers and kind of packages; description of goods: GREEN TEA: B TOTAL ONLY: 19.950 KGS/ 570 PKGS (SAY: NINETEEN THOUSAND NINE HUNDRED AND FIFTY KILO GRAMS/ FIVE HUNDRED AND SEVENTY PACKAGES ONLY) GOODS IS IN TRANSIT TO AFGHANISTAN VIA BANDAR ABBAS IRAN		7. Gross weight or other quantity: KGS 19.950	8. Number and date of invoices: 2811/GK 28/NOV/2012
9. Certification: It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct. HÀ NỘI, VIET NAM 21 DEC 2012 <i>(Place and date, signature and stamp of certifying authority)</i>		10. Declaration by the exporter: The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct; that all the goods were produced in Vietnam and that they comply with the origin requirements of the goods exported to IRAN (importing country). GK VIET NAM HÀ NỘI, VIET NAM 24 DEC 2012 <i>(Place and date, signature and stamp of certifying authority)</i>	

Hình 2.4. Mẫu C/O.

(Nguồn: <https://www.container-transportation.com/giay-chung-nhan-xuat-xu.html>)

2.3.3. Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)

Commercial Invoice - Hóa đơn thương mại là loại chứng từ cơ bản của công tác thanh toán và do người bán hàng thảo ra để yêu cầu người mua phải trả số tiền hàng đã được ghi trên hóa đơn.

Hóa đơn thương mại ghi rõ đặc điểm hàng hóa, đơn giá, tổng giá trị của hàng hóa, điều kiện cơ sở giao hàng.

COMMERCIAL INVOICE

BUYER NAME :

Invoice No: 73/INV-SINT
Dated : 11 AUGUST, 2009

ORIGINAL

VESSEL'S NAME : EVER POWER VOY: 083B
PORT OF LOADING : HOCHIMINH, VIETNAM
PORT OF DISCHARGE : QINGDAO, CHINA

CONTRACT NO : 73/HT-SC/2009

Dated : 31 JULY, 2009

Number of container	Description of Goods / Commodity	Quantity MTS	Unit Price USD / MT	Amount USD
06 x 20'DC Containers	126MTS OF NATURAL RUBBER SVR10, GRADE A WITHOUT WHITE SPOTS & BAD SMELL, ORDER NO.R98077 N.W: 126,000.00 KGS	TRADE TERM : CIF QINGDAO, CHINA		
		126.00	1,580.00	199,080.00
		Total	126.00	1,580.00
PAYMENT	BY 30% T/T IN ADVANCE ON 04 AUGUST, 2009			59,724.00
	THE BALANCE WILL BE PAID BY DP AT SIGHT			139,356.00

Say : United States Dollars One Hundred Thirty Nine Thousand Three Hundred And Fifty Six Only.

Note : D/P at sight through collecting bank:

Hình 2.5. Mẫu hóa đơn thương mại.

(Nguồn: <https://xuatnhapkhauleanh.edu.vn/hoa-don-thuong-mai-commercial-invoice.html>)

* Các nội dung cơ bản trên Hóa đơn thương mại:

- + Số hóa đơn
- + Thời gian: ngày, tháng, năm lập hóa đơn thương mại.
- + Thông tin cơ bản bên bán, bên mua hàng hóa: tên, địa chỉ, mã số thuế...
- + Thông tin hàng hóa: tên, số lượng, đơn giá, tổng giá trị hợp đồng, quy cách, ký hiệu mã...
- + Ngày gửi hàng.
- + Tên tàu, thuyền, số chuyến.
- + Ngày rời cảng, ngày dự kiến hàng đến.
- + Địa chỉ cảng đi, cảng đến.
- + Điều kiện giao hàng.
- + Điều kiện và điều khoản thanh toán.

2.2.4. Phiếu đóng gói hàng hóa (Packing List)

Packing List - Phiếu đóng gói là bảng kê danh mục hàng hóa như thỏa thuận của Hợp đồng, thông tin trên bảng kê tương tự như hóa đơn nhưng không cần có các thông tin liên quan đến thanh toán hay đơn giá hoặc trị giá hoặc đồng tiền thanh toán. Điều quan trọng là cần có quy cách đóng gói, trọng lượng và kích thước.

PACKING LIST (Prepared by commercial dept.)

EXPOTER/SHIPPER NAME: LTD. BANGLADESH.		INVOICE NO.: EXP NO.: L/C NO.: CAT :		DATE: 20-06-2011 DATE: 20-06-2011 DATE: 02-02-2011	
Applicant: E.S. SUTTON INC. 1400 BROADWAY, 26TH FLOOR NEW YORK, NY 10018, USA.		H.T.S. CODE NO.: B/L NO.: CARRIER: E.R.C. NO.: RA-79178 TERMS OF PAYMENT: IRREVOCABLE LETTER OF CREDIT AT SIGHT.		DATE:	
NOTITY: A) E.S. SUTTON INC 115 KENNEDY DRIVE SAYREVILLE, NJ 08872, CANADA.		L/C ISSUIN BANK: HSBC BANK USA, N.A. 2 HANSON PLACE, BROOKLYN, NEW YORK 11217, USA. ADVISING BANK: FIRST SECURITY ISLAMI BANK LTD. BANANI BRANCH, PLOT # 80, BLOCK # B, KEMAL ATATURK AVENUE, DHAKA-1213			
PORT OF LOADING : DHAKA AIRPORT.		FINAL DESTINATION : VANCOUVER, CANADA.			
PORT OF DISCHARGE : VANCOUVER, CANADA.		SHIPPED PER : AIR			
SHIPPING MARKS	DESCRIPTION OF GOODS	CTN NO	CTN QTY	PCS CTN	TOTAL PCS
SHIP TO: WAL-MART CANADA DEPT: 33 BRAND NAME: GEORGE ITEM DESCRIPTION: FUR TRIMMED DUSTER SWEATER MEASUREMENTS: 17 X 17 X 12 INCH MADE IN BANGLADESH SIDE MARK DEPT: 33 BRAND NAME: GEORGE ITEM: FUR TRIMMED DUSTER SWEATER STYLE: GRF120307G PO: 84233VM, 84234VM, 84267VM COLOR: TRUE BLACK SIZE: S(7/8)-M(10/12)-L(14)-(2-3-3) QUANTITY: 8PCS CARTON-OF- G.W.: 12.74 LBS PRICE TICKET: YES	STYLE NO PO NO GRF120307G 84233VM	1-445	445 Ctn	8 Pcs	3,560 Pcs
TOTAL			445 Ctn		3,560 Pcs
GRAND TOTAL CARTON : 445 CTN		For, Ltd.			
GRAND TOTAL PCS : 3,560 PCS					
GRAND TOTAL NET WEIGHT : 2,051.00 KGS					
GRAND TOTAL GROSS WEIGHT : 2,571.00 KGS					
GRAND TOTAL MEASUREMENT : 17" X 17" X 12"					
CARTON MEASUREMENT : 24.00 CBM					
COUNTRY OF ORIGIN : BANGLADESH		Authorized Signature			

Hình 2.6. Mẫu Packing List.
(Nguồn: <https://xuatnhapkhauleanh.edu.vn/packinglist-la-gi->)

*** Phân loại Packing List:**

- + Phiếu đóng gói chi tiết (Detailed packing list) nếu nó có tiêu đề như vậy và nội dung tương đối chi tiết.
- + Phiếu đóng gói trung lập (Neutral packing list) nếu nội dung của nó không chỉ ra tên người bán.
- + Phiếu đóng gói kèm bảng kê trọng lượng (Packing and Weight list).

2.3.5. Booking note/ Booking confirmation

Booking Confirmation là chứng từ được đơn vị vận tải (hãng tàu, hãng bay) phát hành khi xác nhận đặt lịch vận tải hàng hóa. Tùy thuộc vào thỏa thuận mua bán trong Incoterms mà bên mua và bên bán sẽ xác định bên có trách nhiệm thuê vận tải. Đây là chứng từ đầu tiên phải có của một lô hàng xuất khẩu.

Khi hai công ty xác nhận giao dịch với nhau, bên nào có trách nhiệm thuê phương tiện vận tải quốc tế sẽ liên hệ trực tiếp với hãng tàu/đại lý của hãng tàu để đặt chỗ. Công việc này gọi là Booking. Sau khi nhận được yêu cầu đặt chỗ (Booking), hãng tàu/đại lý của hãng tàu sẽ gửi cho người thuê tàu bảng báo giá. Và yêu cầu khách hàng kiểm tra các thông tin trước khi xác nhận đặt chỗ với hãng tàu để tránh hiểu lầm đáng tiếc giữa 2 bên. Sau khi người thuê tàu và hãng tàu/đại lý của hãng tàu đạt được thỏa thuận về giá

cước, hãng tàu sẽ gửi lại xác nhận đặt chỗ thành công với người thuê tàu bằng Booking Note hoặc Booking Confirmation.

ONE **Booking Receipt Notice** 03 MAR 20 16:11 Page : 1 / 2

To : Van Thao, Nguyen / SG SAGAWA VIETNAM CO., LTD(Tel:84-8-38409330 / Fax:84-8-38409330)
 From : Ocean Network Express (Vietnam) Co., Ltd. - Ho Chi / Huy Phanthe(TEL:)

We received a booking request by you as below. Please review following items and advise us of any discrepancy

Booking No : SGNAS197500 Booking Ref. No. : SGNAS197500 Booking Date : 25Feb20

Booking Staff : Lam Lethanh Export Ref.NO :
 Sales Rep : NGUYEN QUANG HUY B/L No. : ONEYS/SGNAS197500
 Shipper : SG SAGAWA VIETNAM
 Forwarder : SG SAGAWA VIETNAM Rate Agreement No. : SGN00108A

Pre Carrier : Latest ETA/ETD :
 IMO/Flag/Call Sign : NRT :
 Trunk Vessel : MEMPHIS 027N(JID) Latest ETA/ETD : 07Mar20/08Mar20
 MRN(Korea only) : CCN :
 IMO/Flag/Call Sign : 9348675/LIBERIA/ABOU4 NRT : 31705

Post Carrier : ETA/ETD :
 IMO/Flag/Call Sign : NRT :
 Place of Receipt : HO CHI MINH Protoforma 1st vessel ETD : 08Mar20
 Port of Loading : CAI MEP Terminal : YCTT (TAN CANG) GAMET THA VIN TERMINAL
 Port of Discharging : YOKKAICHI, MIE Terminal : YOKKAICHI KASUMIGAURA KITA FUTO
 Place of Delivery : YOKKAICHI, MIE Terminal :
 T/S Port : POD / DEL ETA : 16Mar20 / 16Mar20
 Ocean Route Type : Direct Rcv/Del Term : CY/CY

Equipment Type/Qty : 40'DRY ST-1
 Commodity : FAK OR CARGO, NOS Estimated Weight : 40,000.000 KGS
 Empty Pick UP CY : TP - MT DEPOT Empty Pick Up Date : 04Mar20 00:00
 Address : Tp - MT Depot, Binh Duong 1 An Binh D An Binh Duong
 TEL : 6503794891 Yard PIC :
 Full Return CY : ICD TAY NAM Full Return Date :
 Address : ICD Tay Nam Tanamexco Truong Tho Ward Thu Duc Dist HCMC
 TEL : 28-37312398 Yard PIC :
 Doc Cut-off : 08Mar20 10:00 Customs Cut-off :
 VGM Cut-off : 08Mar20 14:00
 Port Cargo Cut-off : 08Mar20 14:00 Rail Receiving Date : ~

Special Cargo Information (Please see attached, if exists) ☐ Shipper's own Container ☐ RAD
☐ Dangerous ☐ Reefer (Temp. Set :) ☐ Awkward ☐ Break Bulk

Remarks 1 : COMBUSTIBLE,
 STOWAGE : UNDER DECK,
 CONTAINER CLEARED GOODS,,

Remarks 2 : See attached rider.

THE ABOVE BOOKING IS SUBJECT TO CHANGE FOR DELIVERY DATE/TIME AS WELL AS TO VESSEL SPACE.
 VESSEL SCHEDULE MAY BE CHANGED WITHOUT NOTICE. ANY DATE/TIME ABOVE IS FOR MERCHANT'S
 REFERENCE ONLY AND WITHOUT ANY GUARANTEE.

Customer Service : 84-28-4458 2600

Thank you for choosing ONE

Hình 2.7. Booking note của hãng tàu One.

(Nguồn: <https://vinatrain.edu.vn/booking-confirmation-mau-booking-confirmation/>)

Lưu ý: Đối với hàng nguyên (FCL) thì Booking Confirmation sẽ được gọi là Lệnh cấp container rỗng.

VIET STAR SHIPPING AGENCY CO.,LTD
 No 37, D4 Street, Tan Hung Ward, District 7, HCM City, Viet Nam
 Tel: 02862992266 Ext: 108 Fax: (84-8) 62 904 555
 E-mail: info@vssa.com.vn Website: www.vssa.com.vn

LỆNH CẤP CONTAINER RỖNG
 Số booking: 2009BXV053 OPS Code: BLJ

Chủ khai thác: BALAJI SHIPPING LINES FZCO
 Kinh gửi Cảng: TAN CANG HIEP PHUOC
 Kinh gửi Quý Cảng giao cho: LONG AN INTERNATIONAL PORT OPERATION & MANAGEMENT J

Theo chỉ tiết như sau:

STT	Số lượng & Loại container	Số container cấp chỉ định	Net đóng hàng	Net hạ bãi xuất, thanh lý HQ	Thời hạn trả
1	1X40'RH		Kho riêng	CAT LAI	08/03/2020 - 01/04/2020

1) Cảng đi : HO CHI MINH CITY, VIET NAM
 2) Cảng đến : JEBEL ALI
 3) Cảng chuyển tải (Nếu có) : WEST PORT KLANG, MALAYSIA
 4) Tên tàu/Số chuyến dự kiến : CAPE FAWLEY V.67S
 5) Ngày tàu chạy dự kiến : Oct 02, 2020
 6) Tên hàng hóa : FRUIT
 7) Yêu cầu khác : Cấp container lạnh, 40', TEMP: +05C, VENT 35 CBM/H
 8) Nội xác nhận lệnh, cấp Seal & Packing List tại VP, gty/Mr: Nhà 0906 67 78 15)

1) MAX CARGO WEIGHT=25.00 MTS/20DC & DUNNAGE, LASHING, SHORING, PACKING IN ACCORDANCE INT SEA TRANSPORT STANDARD)
 2) Cung cấp và container cho chúng tôi trước thời hạn không trễ (Mô Thiệu: 0906 677 691)
 3) Kiểm tra tình trạng container sạch và sạch trước khi nhận.
 4) Phải thông thoáng và gõ bỏ nhện nguy hiểm đối với Container có đèn trắng.
 5) Khách hàng được miễn phí lưu container tại kho riêng 4 ngày kể từ ngày lấy container rỗng và miễn phí lưu bãi 3 ngày kể từ ngày hạ bãi đến ngày tàu chạy. Quý thời hạn qui định. Khách hàng sẽ phải chịu chi phí phát sinh (Cost khô).
 Đối với container miễn phí 24h cấm đặt tại cảng, sau thời gian trên giá của container là USD 2,4/giờ.
 6) Kiểm tra tình trạng xác Lệnh cấp container rỗng. Nếu không có phân bổ, chúng tôi xin được miễn trách.
 7) Khi nhận seal Packing List & CONTAINER rỗng Quý khách hàng phải mang theo giấy giới thiệu.

23 Sep 2020 13:24:37PM page 1/1 by CHERRY

Hình 2.8. Mẫu lệnh cấp container rỗng thực tế.

(Nguồn: <https://vinatrain.edu.vn/booking-confirmation-mau-booking-confirmation/>)

2.2.6. Tờ khai hải quan (Customs Declaration)

Customs Declaration - Tờ khai hải quan là văn bản mà ở đó, chủ hàng (người xuất khẩu & người nhập khẩu) hoặc chủ phương tiện phải kê khai đầy đủ thông tin chi tiết về lô hàng khi tiến hành xuất khẩu, nhập khẩu ra vào nước ta (hay còn gọi là xuất cảnh).

<IMP>		Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (Thông quan)		()20509432	
Số tờ khai Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng	1.02050943260	Số tờ khai đầu tiên			
Mã loại thuế kiểm tra	-	Mã loại hình hàng hóa	A11 4 [4]	Mã số hàng hóa để dán nhãn cho tài sản	8504
Mã đơn vị Hải quan tiếp nhận tờ khai		Hàng hóa được vận chuyển từ		Mã tờ phân xứ lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	08/06/2018 11:17:05	Ngày thay đổi thông tin	/ /	Thời hạn sử dụng tờ khai	
Người nộp thuế					
Mã Tồn	0107413403	Công ty Cổ phần Khu Truông Mai và Tập đoàn Việt Nam Công Nghiệp			
Mã nội địa	1048143				
Địa chỉ	27/2, ngà 46 phố Hàng Kém, Phường 03 khu Dân, Quận Hồng Bàng, TP. Hà Nội				
Số điện thoại	096216886				
Người tự kê khai hàng hóa					
Mã Tồn					
Mã nội địa					
Địa chỉ		SECOND RD, DONGNHOI, CHINA			
Mã nước					
Người tự kê khai hàng hóa		Mã nước		Mã nhân viên Hải quan	
Danh sách đơn vị		Danh sách đơn vị		Danh sách đơn vị	
1		Địa điểm kho	2080B03	Địa điểm kho	2080B03
2		Địa điểm đóng gói	VINHOC7	Địa điểm đóng gói	VINHOC7
3		Địa điểm xếp hàng	CHIEZ	Địa điểm xếp hàng	CHIEZ
4		Phương tiện vận chuyển		Phương tiện vận chuyển	
5		Ngày hàng đến	07/04/2018	Ngày hàng đến	XE TAXI
Số lượng	2 PCL	Kỳ hiệu và số hiệu		Kỳ hiệu và số hiệu	
Tổng trọng lượng hàng (Gross)	25 KGAM	Ngày được phép nhập khẩu đầu tiên		Mã vận đơn pháp quy khác	
Số lượng container					
Số hóa đơn A = GV=01180604					
Số tiếp nhận hàng hóa để vận chuyển		Ngày phát hành	04/06/2018	Ngày phát hành	
Phương thức thanh toán		Tên người kê khai hàng hóa	TTR	Tên người kê khai hàng hóa	
Tổng trị giá tính thuế		A = DAF + USD =		A = DAF + USD =	
Tổng hệ số phân bổ tại giá					
Mã kết quả kiểm tra nội dung					
Cách phép nhập khẩu		2	-	3	-
		5	-		
Mã phân loại khai trị giá	6				
Khai trị giá tổng hợp					
Các khoản điều chỉnh	- -				
Phân loại chuyển	- -				
Phân loại miễn	- -				
Mã tồn	Mã phân loại				
1	-				
2	-				
3	-				
4	-				
5	-				
Chú thích khai trị giá					

Hình 2.9. Mẫu tờ khai hải quan.

(Nguồn: <https://ndgroup.vn/tin-tuc/to-khai-hai-quan-la-qi-cach-ghi-va-nhung-dieu-can-biet>)

* Nội dung cơ bản trên Tờ khai hải quan:

- Phần 1: bao gồm: Số tờ khai, mã phân loại kiểm tra, mã loại hình, mã chi cục, ngày đăng ký tờ khai.
- Phần 2: gồm: Tên và địa chỉ của người xuất khẩu, nhập khẩu.
- Phần 3: thông tin chi tiết lô hàng như bill, địa điểm lưu kho, địa điểm xếp hàng dỡ hàng, phương tiện vận chuyển, ngày xuất ngày cập, số lượng hàng...
- Phần 4: Hóa đơn thương mại, trị giá hóa đơn...
- Phần 5: Thuế và suất thuế phần này sau khi ta nhập chi tiết các mặt hàng thì hệ thống tự động xuất ra cho mình luôn.
- Phần 6: phần dành cho hệ thống hải quan trả về
- Phần 7: Phần ghi chú về tờ khai hải quan
- Phần 8: List hàng hóa

2.3.7. Shipping Instruction (S/I)

Shipping Instruction (S/I) – Hướng dẫn gửi hàng là một chứng từ quan trọng cung cấp các thông tin chi tiết về lô hàng các thông tin về các bên liên quan và yêu cầu vận

chuyển cụ thể. Chủ hàng có trách nhiệm cung cấp SI cho cho hãng tàu hoặc công ty giao nhận vận chuyển để nhà vận chuyển phát hành vận đơn.

S/I có thể được gửi đến nhà vận chuyển bằng 2 hình thức:

- + Gửi trực tiếp qua email
- + Khai báo trực tiếp trên website của nhà vận chuyển

(Fields are flippable, click in fields and type, click boxes to check)

SHIPPER'S LETTER OF INSTRUCTIONS																	
SELLER/SHIPPER			 WORLD CLASS SHIPPING														
ZIP CODE			SHIP DATE														
TAX ID# EIM#	PARTIES TO TRANSACTION ☐ RELATED ☐ NON-RELATED		MODE OF TRANSPORT ☐ AIR ☐ OCEAN														
CONSIGNEE			AIRWAY BILL/ BILL OF LADING#														
FORWARDING AGENT			OCEAN SERVICE TYPE ☐ FCL ☐ LCL														
			FCL CONTAINER TYPE ☐ 20 FT ☐ 40 FT ☐ 40 FT HIGH CUBE														
			SPECIAL EQUIPMENT														
			POINT OF ORIGIN OR PTZ NO.														
			COUNTRY OF ULTIMATE DESTINATION														
SHIPPER'S REFERENCE NO.	ROUTED EXPORT TRANSACTION ☐ YES ☐ NO		ENTRY NUMBER	HAZARDOUS MATERIAL ☐ YES ☐ NO													
IF THIS SHIPMENT CONTAINS HAZARDOUS MATERIAL, U.S. LAW REQUIRES THE SHIPPER TO PREPARE A SHIPPER'S DECLARATION FOR DANGEROUS GOODS																	
DP OR M	SCHEDULE B NUMBER OR DESCRIPTION	QUANTITY SCHEDULE B UNITS	SHIPPING WEIGHT (KG)	VIN/PRODUCT NUMBER VEHICLE TITLE NUMBER	VALUE (USD) (selling price or cost if not sold)												
<table border="1"> <tr> <td colspan="3">Signature of DULY AUTHORIZED OFFICER OR EMPLOYEE</td> <td colspan="2">LIC. #/LIC. EXCPN. SYMB.</td> <td>ECON (When required)</td> </tr> <tr> <td>Title</td> <td>Date</td> <td>Phone No.</td> <td colspan="3">SPECIAL INSTRUCTIONS</td> </tr> </table>						Signature of DULY AUTHORIZED OFFICER OR EMPLOYEE			LIC. #/LIC. EXCPN. SYMB.		ECON (When required)	Title	Date	Phone No.	SPECIAL INSTRUCTIONS		
Signature of DULY AUTHORIZED OFFICER OR EMPLOYEE			LIC. #/LIC. EXCPN. SYMB.		ECON (When required)												
Title	Date	Phone No.	SPECIAL INSTRUCTIONS														
The Shipper authorizes the forwarder named above to act as forwarding agent for export control and customs purposes.			SHIPPER REQUESTS INSURANCE SUSD _____														
I CERTIFY THAT THIS CARGO DOES NOT CONTAIN ANY UNAUTHORIZED PERSON OR ANY UNAUTHORIZED EXPLOSIVE, INCENDIARY OR OTHER DESTRUCTIVE SUBSTANCES OR ITEMS. THE ABOVE SIGNED AUTHORIZES AND CONSENTS TO SCREENING, OPENING, AND/OR INSPECTION OF ALL CARGO TENDERED FOR TRANSPORTATION BY AIR FROM THE DATE OF THIS NOTIFICATION FORWARD. WITHOUT LIABILITY TO SHIPPER, INC. I AM AWARE THAT THIS ENDORSEMENT AND ORIGINAL SIGNATURE AND OTHER SHIPPING DOCUMENTS WILL BE RETAINED ON FILE FOR A MINIMUM OF 30 CALENDAR DAYS AFTER ANY TERMINATION OF AN AIR CARGO BUSINESS RELATIONSHIP AND THAT THIS DOCUMENT WILL BE MADE AVAILABLE TO THE TSA UPON REQUEST.																	

Hình 2.10. Mẫu SI

(Nguồn: <https://hvtlogistics.vn/kinh-nghiem/shipping-instruction-la-gi.html>)

2.3.8. Giấy báo hàng đến (Arrival Notice - A/N)

Arrival Notice (A/N) – Thông báo hàng đến là chứng từ do nhà vận chuyển phát hành cho người nhận hàng đứng tên trên vận đơn để thông báo về thông tin và lịch trình của lô hàng dự kiến đến cảng cũng như các chi phí có liên quan phát sinh tại điểm đến cần được thanh toán. Thông báo hàng đến chỉ được phát hành đối với các lô hàng nhập khẩu.

 YANG MING Công ty TNHH Yang Ming Shipping (Việt Nam) Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Ree Tower, Số 9 đường Đoàn Văn Bơ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam Điện thoại: (84-28) 38254589 Fax: (84-28) 38254269 Email: ym.vn.inb@ym.yangming.com		ARRIVAL NOTICE GIẤY BẢO NHẬN HÀNG	
Vessel/Voyage YM HAWK 286N		B/L No YMLU1470170230	ETA(D/M/Y) 02/06/2021
Place of Receipt PORT KLANG, MALAYSIA		Port of Loading PORT KLANG, MALAYSIA	
Port of Discharge CAT LAI		Place of Delivery CAT LAI	
Terminal Name : CAT LAI PORT TERMINAL			
PARTY SHIPPER			
REMARKS : ///** UPDATE NEW ETA **// /// NEW ETA UPDATE: 21:30 PM ON 02 JUN 2021 I/O 03 JUN 2021 ///			
CONSIGNEE			
NOTIFY			
NOTIFY2			
TCLU7452016 FCL 20DC (7 PACKAG) SEAL: YMAI590519 BMOU5704051 FCL 40HQ (18 PACKAG) SEAL: YMAI591537		KGS(GROSS) 14571.230 4527.490 10043.740	CBM 45.000 15.000 30.000
STC : 25 PACKAGES 1 X 20GP & 1 X 40HQ CONTAINER STC: 25 PACKAGES SUPPLY FRP TANK ITEM NO.// DESCRIPTION/QUANTITY(PC) 1/ TANK SIZE: 5.5(+2.5)ML X 4MW X 4MH/01 2/ TANK SIZE: 10ML X 6(+3)MW X 2MH/01 3/ TANK SIZE: 6(+3)ML X 5MW X 3.5MH/01			

Hình 2.11. Mẫu A/N.

(Nguồn: <https://vantainhanh247.vn/thong-bao-hang-den/>)

2.3.9. Lệnh giao hàng (Delivery Order - D/O)

Delivery Order (D/O) – Lệnh giao hàng là chứng từ mà nhà vận chuyển phát hàng cho chủ hàng đề xuất trình cho cảng/ kho hàng để lấy hàng ra khỏi cảng/ kho hàng.

Các thông tin trên D/O về cơ bản sẽ giống như thông tin trên B/L và có thêm mã bảo mật để nhận container đối với eD/O.

DELIVERY ORDER NO. :

POBUSH2203



PAN OCEAN
 MACS HOCHIMINH CITY
 89 PASTEUR STREET DIST.1,
 HOCHIMINH CITY, VIETNAM
 TEL:84-8-8228225 FAX:84-8-8228272

DELIVERY ORDER			
SHIPPING LINE CODE	DELIVER TO CONSIGNEE		D/O EXPIRE DATE
SPO	0316069537#5 STAR GLOBAL TRANSPORT CO.,		04-12-2022
BILL OF LADING		PORT OF LOADING	PORT OF DELIVERY
POBUSH22030		SHANGHAI, CHINA	CAT LAI PORT, **
VESSEL	VOYAGE	ETA	DELIVERY CODE
STARSHIP PEGASUS	2203W	03-30-2022	ALRLGYZRWE
CONTAINER NO.			
STXU4548258 / 45GP			

Hình 2.12. Mẫu D/O.

(Nguồn: <https://vantainamsao.vn/thong-tin-ve-do-la-gi/>)

2.3.10. Thư tín dụng (Letter of Credit - L/C)

Letter of Credit - Thư tín dụng là bức thư văn bản do ngân hàng phát hành theo yêu cầu của khách hàng của họ (tức bên nhập khẩu). Theo đó, bên mua sẽ cam kết trả một khoản tiền nhất định cho bên bán (bên xuất khẩu) vào một thời điểm nào đó mà hai bên đã thỏa thuận từ trước nếu bên xuất khẩu có thể xuất trình được bộ chứng từ hợp lệ.

Có thể hiểu L/C chính là thư cam kết của ngân hàng trong việc thanh toán cho bên xuất khẩu.

Page 1 of 1
Document ID

Vietcombank

Our ILC No (Số tham chiếu LC) : 007337201404245 Date (Ngày): 30/09/14

**NOTIFICATION OF DOCUMENTARY CREDIT
THÔNG BÁO THƯ TÍN DỤNG**

To (Kính gửi):
HAI NAM CO., LTD OFFICE AND FACTORY
27 NGUYEN THONG ST., PHU HAI WARD,
PHAN THIET CITY, BINH THUAN

Letter of Credit No (Số LC) : S-001-2017523
Date of Issue (Ngày phát hành) : 29-Sep-2014
Expiry date (Ngày hết hạn) : 15 June 2015
Issuing Bank (Ngân hàng phát hành) : THE BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ LTD
Amount (Số tiền) : USD420,000.00
Applicant / First beneficiary (Người mở L/C/ Người thụ hưởng thư nhập) : MARUBENI CORPORATION

We are pleased to inform you that the Issuing Bank has issued the aforesaid LC. Please see the enclosure for details. Chúng tôi xin thông báo với Quý khách Ngân hàng phát hành đã phát hành LC nêu trên với nội dung như bản đính kèm. Please check all terms and conditions of the LC carefully. In case you do not agree with any terms and/or conditions of the LC, please contact the Applicant immediately to request a suitable alterations or amendment. Quý khách cần kiểm tra cẩn thận nội dung của Thư tín dụng. Trong trường hợp không đồng ý các điều khoản hay điều kiện của Thư tín dụng, đề nghị Quý khách liên hệ ngay với người mở Thư tín dụng và yêu cầu sửa đổi cho phù hợp. In case we have received the details to the Documentary Credit by cable and unless otherwise stated in the Documentary Credit, we neither take into consideration any further mail confirmation of the cable nor forward it to you. Trong trường hợp chúng tôi đã nhận được Thư tín dụng bằng điện, trừ khi có qui định khác trong Thư tín dụng, chúng tôi sẽ không xem xét hoặc chuyển đến Quý khách bất kỳ thư xác nhận nào được gửi đến sau liên quan đến Thư tín dụng đã được mở bằng điện. Unless the Credit has been confirmed by us, this advice is given to you without any engagement on our part and does not constitute any obligation on our part to honour documents. Should we be authorised to add confirmation to the Credit and if you required our confirmation, please contact the undersigned. Trừ khi Thư tín dụng đã được xác nhận bởi chúng tôi, thông báo này được gửi đến Quý khách không kèm theo bất kỳ cam kết nào của chúng tôi hoặc chúng tôi không có bất kỳ trách nhiệm nào đối với việc thanh toán chứng từ. Nếu chúng tôi được chỉ định xác nhận Thư tín dụng này và nếu Quý khách có nhu cầu, xin hãy liên hệ với chúng tôi. Payment for transaction with any detail related to US and/or EU sanction lists may be blocked. Việc thanh toán có thể bị ngăn chặn nếu giao dịch có thông tin liên quan các đối tượng bị Mỹ và/hoặc Liên minh Châu Âu cấm vận. This advice is subject to the ICC Uniform Customs and Practice for Documentary Credit, the Revision specified in the Documentary Credit. Thông báo này luôn thủ theo Quy tắc và Thực hành thống nhất về Tín dụng chứng từ của Phòng Thương Mại quốc tế phiên bản đã nêu trong Thư tín dụng. Thank for your selecting our bank as LC Advising Bank. For Documentary Collection, Documentary Discounting Services or any inquiries, please contact us. Cảm ơn Quý khách đã lựa chọn chúng tôi là ngân hàng thông báo LC. Về dịch vụ Nhờ Thu Chứng Từ, Chiết Khấu Chứng Từ hoặc khi cần thiết, Xin Quý khách liên hệ với chúng tôi. Export Payment Division - Phòng Thanh Toán Xuất Khẩu : Toà nhà HAVANA -132 Hàm Nghi Q.1 TP. HCM Tel: (84.8) 38210659 Fax: (84.8) 38210317 Yours faithfully, / Trân trọng kính chào. (L.Fee:0.00) For Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Vietnam NHTMCP Ngoại Thương - CN Hồ Chí Minh

BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIETNAM, JSC. HO CHI MINH CITY BRANCH
Số 10, Yersin Street Dist. 1, Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: (84-8) 3 829 2255 - 3 823 0333 Fax: (84-8) 3 829 2228 Swift Code: BFTV-VNXX 0027 www.vietcombank.com.vn

Hình 2.13. Ví dụ về L/C.

(Nguồn: <https://www.simex.edu.vn/noi-dung-chu-yeu-cua-mot-l-c.html>)

* Các nội dung chính trên L/C:

- + Số hiệu, địa điểm, ngày mở L/C
- + Loại L/C
- + Thời hạn giao hàng
- + Thời hạn xuất trình chứng từ
- + Thời hạn trả tiền (trả ngay hoặc trả sau), số tiền của tín dụng
- + Thời hạn hiệu lực
- + Cách giao hàng, điều kiện chuyển tải
- + Nội dung về chứng từ
- + Các điều khoản khác

* Các loại L/C:

- + L/C có thể hủy ngang (Revocable L/C)
- + L/C không thể hủy ngang (Irrevocable L/C)
- + L/C không hủy ngang, có xác nhận (Confirmed Irrevocable L/C)
- + L/C không hủy ngang miễn truy đòi (Irrevocable without recourse L/C)

- + L/C tuần hoàn (Revolving L/C)
- + L/C đối ứng (Reciprocal L/C)
- + L/C chuyển nhượng (Transferable L/C)
- + L/C giáp lưng (Back to back L/C)

**CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU MẶT HÀNG
SURIMI CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN
ĐẢO (COIMEX)**

3.1. Quy trình xuất khẩu của COIMEX

3.1.1. Sơ đồ quy trình xuất khẩu chung

Bước công việc	Nội dung công việc	Bộ phận thực hiện	Chứng từ liên quan
Bước 1: Đàm phán và kí kết hợp đồng	Đàm phán về nội dung hợp đồng với khách	Bộ phận kinh doanh quốc tế	Hợp đồng thương mại
Bước 2: Nhận đơn hàng và PI	Theo dõi và lưu trữ đơn hàng xuất khẩu	Bộ phận chứng từ	- Hóa đơn chiếu lệ - PO (Purchase Order)
Bước 3: Theo dõi lịch xuất hàng của nhà máy	Cập nhật và bảng thống kê xuất khẩu, chuẩn bị các bước tiếp theo	Bộ phận chứng từ Bộ phận sản xuất	
Bước 4: Lấy Booking tàu	Đặt chỗ cho hàng trên tàu, đúng cảng đến, ngày tàu đến và loại container	Bộ phận chứng từ	Booking confirmation
Bước 5: Kiểm tra xác nhận cho đi hàng với kế toán	Đảm bảo việc thanh toán chi phí liên quan vận chuyển và điều khoản thanh toán (đối với trả trước)	Bộ phận cung ứng Bộ phận tài chính - kế toán	Booking confirmation
Bước 6: Gửi Booking và lịch kéo cont cho nhà xe	Đảm bảo ra hàng đúng thời hạn theo lịch trình	Bộ phận chứng từ	Booking confirmation
Bước 7: Xử lý Invoice & Packing List	Chuẩn bị chứng từ khai hải quan gửi cho khách hàng	Bộ phận chứng từ Bộ phận kinh doanh quốc tế	- Hợp đồng thương mại - Hóa đơn chiếu lệ - Packing list
Bước 8: Khai báo hải quan xuất khẩu	Khai hải quan điện tử để phân luồng thanh lý cho hàng lên tàu	Bộ phận chứng từ	- Hóa đơn thương mại - Packing List - Booking confirmation - Tờ khai xuất khẩu
Bước 9: Gửi S/I cho Hãng tàu hoặc đại lý	Làm vận đơn đường biển (B/L)	Bộ phận chứng từ	Shipping instruction
Bước 10: Thanh lý hải quan	Xử lý các nghĩa vụ trước thông quan liên quan đến phân luồng	Bộ phận chứng từ	Tờ khai xuất khẩu Packing list Hợp đồng thương mại

Bước 11: Kiểm tra B/L	Đảm bảo nội dung B/L	Bộ phận chứng từ	- Vận đơn - Booking confirmation - Packing list
Bước 12: Làm C/O	Khai báo để cung cấp cho khách hàng	Bộ phận chứng từ	- Vận đơn - Hóa đơn thương mại - Tờ khai hải quan xuất khẩu
Bước 13: Thanh toán tiền hàng	Gửi chứng từ cho khách để khách thanh toán các chi phí	Bộ phận chứng từ	Các chứng từ liên quan được quy định trong hợp đồng

Bảng 3.1. Quy trình xuất khẩu chung.

(Nguồn: Phòng xuất nhập khẩu COIMEX)

3.1.2. Diễn giải quy trình xuất khẩu của COIMEX

Bước 1: Đàm phán và kí kết hợp đồng

Sau khi tìm hiểu và nghiên cứu các thông tin về đối tác, nhu cầu của thị trường tiêu thụ, giá cả và các thủ tục khác, nhân viên chuyên môn bên bộ phận kinh doanh của công ty phải lập ra các nội dung cần đàm phán, những điều khoản quan trọng cần phải đạt được trong quá trình đàm phán. Kết thúc thương lượng, đàm phán ôn thỏa, nhân viên tiến hành soạn hợp đồng ngoại thương.

Bước 2: Nhận đơn hàng và PI

Các nội dung chính cần quan tâm là:

- Thông tin người bán và người mua: ghi rõ tên thương mại của Công ty, địa chỉ, số điện thoại liên hệ, số fax và tên người đại diện.
- Thông tin hàng hóa: số lượng, đơn giá, tổng giá.
- Phương thức thanh toán
- Điều kiện giao hàng: FOB, CIF hay CFR.
- Thời gian giao hàng
- Chứng từ giao hàng:
 - + Signed Invoice: hóa đơn thương mại đã ký tên
 - + Packing list: phiếu đóng gói
 - + Original B/L: vận đơn vận tải gốc
 - + Certificate of Original: giấy chứng nhận xuất xứ nguồn gốc hàng hóa.

Sau khi đàm phán hợp đồng, Phòng kinh doanh quốc tế sẽ nhận được mail order của đối tác, lúc này sẽ soạn PI. Nhân viên chứng từ sẽ lấy đơn hàng PO và PI về, kiểm

tra số đơn hàng PO và số PI phòng các trường hợp bị trùng, thiếu hoặc sai sót, sau đó chuẩn bị thực hiện các bước tiếp theo.

Bước 3: Theo dõi lịch xuất hàng của nhà máy

Sau khi khách hàng đồng ý về PI, nhân viên kinh doanh sẽ liên hệ với nhà máy về lịch xuất hàng và kiểm tra nhằm đảm bảo chất lượng, số lượng của hàng hóa, quy cách đóng gói, ký mã hiệu (nếu có) đúng với yêu cầu thỏa thuận trong hợp đồng. Tiếp đến, bên kinh doanh quốc tế Int'sales sẽ lấy thông tin về loại container và ngày hàng sẵn sàng để gửi cho bên nhân viên chứng từ nhằm chuẩn bị cho việc lấy booking tàu.

Bước 4: Lấy booking tàu

Sau khi có một số thông tin sơ lược về số lượng hàng xuất, khả năng đáp ứng hàng, thời gian giao hàng,... nhân viên chứng từ sẽ tiến hành đặt tàu. Thông thường, nhân viên sẽ lên các trang web của các hãng tàu hoặc liên hệ các công ty đại lý để tham khảo lịch tàu và giá cước. Sau khi cân nhắc xem xét khả năng tải chính, thời gian hàng đến cảng nhập khẩu và mức phù hợp thì sẽ liên lạc và đàm phán giá cả với hãng tàu, nếu phù hợp thì tiến hành đặt tàu và nhận Giấy xác nhận đặt chỗ (Booking Confirmation) từ hãng tàu.

Bước 5: Kiểm tra xác nhận cho đi hàng với kế toán

Để đảm bảo cho việc thanh toán thì trước ngày chở container và đóng hàng, nhân viên chứng từ sẽ kiểm tra xác nhận của kế toán từ file xác nhận xuất hàng. Nếu chưa được xác nhận phải báo lại với nhân viên kinh doanh phụ trách đơn hàng để xin xác nhận hoặc dời booking.

Bước 6: Gửi booking và lịch kéo container cho nhà xe

Sau khi đã hoàn thành xong việc đóng xếp hàng vào container, nhân viên chứng từ gửi booking và lịch kéo container cho nhà xe trước 2 ngày để đảm bảo ra hàng đúng thời hạn. Nhân viên giao nhận tiến hành bấm seal cho container và ghi nhận lại chính xác số container, số seal để hoàn tất việc điền thông tin trên các chứng từ giao nhận như Packing list, tờ khai hải quan, Invoice; sau đó, tiến hành giao container chứa hàng ra cảng quy định. Hàng hóa sẽ được kiểm tra lần cuối về chất lượng và quy cách đóng gói trước khi đóng hàng vào container và đóng seal. Trước khi đóng hàng, nhân viên sẽ liên hệ mời cán bộ hải quan xuống kho kiểm tra quá trình đóng hàng vào container. Đóng hàng xong, nhân viên giao nhận sẽ thông báo nhân viên chứng từ để khai hải quan điện tử trên VNACCS - VNCIS, lấy kết quả phân luồng cho lô hàng.

Bước 7: Xử lý Invoice & Packing List

Đây là bước nhân viên chứng từ chuẩn bị chứng từ khai hải quan và gửi cho khách hàng. Tùy theo khách hàng mà cách thể hiện Invoice và Packing list sẽ khác nhau.

Nhân viên chứng từ xử lý số liệu từ đơn hàng PO và PI để làm Invoice và Packing list, tùy đơn hàng có điều kiện thanh toán theo giá CFR, CIF hay FOB mà cần phải phân bổ lại giá trị cho phù hợp với mỗi loại sản phẩm để ra được đơn giá đúng và hợp lý. Sau đó tiến hành tính số kiện, số ký, Gross weight, Net weight, CBM để làm Packing list.

Trên Invoice sẽ thể hiện các thông tin sau:

- Tên người bán, người mua
- Số Invoice, nơi và ngày làm Invoice
- Điều kiện thanh toán: T/T trả trước
- Thông tin về tàu
- Cảng đi và cảng đến
- Số hợp đồng và ngày ký hợp đồng
- Điều kiện thương mại
- Tên hàng, số lượng
- Đơn giá
- Tổng trị giá hóa đơn bằng số và bằng chữ

Để làm Packing list, nhân viên chứng từ xác nhận với nhân viên nhà kho số lượng hàng đóng thực tế trong một kiện (Package). Sau đó tính số kiện, số ký, trọng lượng cả bì (Gross weight), trọng lượng tịnh (Net weight), thể tích đóng hàng (CBM) để làm Packing list.

Trên Packing list sẽ thể hiện các thông tin sau:

- Tên người mua
- Số Packing list, ngày và nơi lập Packing list
- Điều kiện thanh toán
- Số hợp đồng và ngày ký hợp đồng
- Điều kiện thương mại
- Tên hàng, tỷ trọng
- Số lượng kiện, số lượng hàng trong một kiện, tổng số lượng
- Net weight và Gross weight

Bước 8: Khai báo thủ hải quan xuất khẩu

Quy trình khai hải quan điện tử đòi hỏi nhân viên chứng từ phải rất cẩn thận, tập trung và tỉ mỉ. Việc khai hải quan sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình làm thủ tục hải quan tại cảng.

Nhân viên chứng từ lấy thông tin từ Booking confirmation, Invoice và Packing list đã làm ở bước trước để khai tờ khai hải quan.

Đối với khai hải quan, kết quả phân luồng sẽ được phân làm 3 loại:

- **Luồng xanh:** miễn kiểm tra chi tiết hồ sơ, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa.
- **Luồng vàng:** kiểm tra chi tiết hồ sơ, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa.
- **Luồng đỏ:** kiểm tra chi tiết hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa.

Sau khi khai báo xong, nhân viên chứng từ lên trang web hải quan Việt Nam (pus.customs.gov.vn) để lấy mã vạch container đủ điều kiện qua khu vực giám sát hải quan.

Bước 9: Gửi S/I cho hãng tàu/ đại lý

Từ Packing list, nhân viên chứng từ sẽ lấy ra các thông tin cần thiết để làm SI gửi cho hãng tàu để phát hành B/L. SI thể hiện những thông tin hàng hóa và các chỉ dẫn vận chuyển. Trên SI sẽ có những thông tin cơ bản như sau:

- Mô tả hàng hóa
- Số kiện
- Khối lượng tịnh
- Tổng khối lượng
- Trọng lượng hàng
- Số container
- Loại container và số seal

Bước 10: Thanh lý hải quan

Nhân viên chứng từ gửi tờ khai hải quan thông quan, VGM và mã vạch cho nhân viên giao nhận để tiến hành thanh lý hàng. Hồ sơ thanh lý bao gồm:

- + Tờ khai hải quan đã thông quan: tờ khai chỉ mang theo để cán bộ hải quan kiểm tra và đối chiếu thông tin.
- + Mã vạch (2 bản): sau khi đóng dấu, hai quan sẽ giữ lại một bản, bản còn lại Công ty mang về.

Sau khi nhận lại tờ khai đã được cán bộ hải quan xử lý, nhân viên giao nhận cầm một bản chính có đóng dấu thông quan và một bản sao xuống bộ phận hải quan giám sát hàng xuất để thanh lý hàng.

Tiếp đó, nhân viên giao nhận phải thông báo cho hải quan giám sát bãi. Cán bộ hải quan sẽ kiểm tra hàng, ghi tên tàu, số container, số seal, list container trên tờ khai. Sau đó, nhân viên giao nhận phải đề nghị cho hàng xuống tàu và thanh lý hải quan bãi. Hải quan giám sát sẽ giữ lại bản sao và trả lại bản chính có đóng dấu Hải quan đã qua khu vực giám sát.

Cán bộ sẽ mở sổ theo dõi để kiểm tra thông tin, sau đó nhập máy và in hai phiếu xác nhận. Nhân viên giao nhận mang liên khách hàng về, liên còn lại do đội vào sổ tàu giữ. Cần lưu ý phải vào sổ tàu trước khi đến giờ Closing time nếu không hàng sẽ rớt lại không xuất khẩu được mặc dù đã thông quan.

Bước 11: Kiểm tra B/L

Sau khi tàu chạy, hãng tàu sẽ gửi Surrendered B/L cho bộ phận chứng từ của Công ty. Nhân viên chứng từ sẽ kiểm tra lại các thông tin trên Bill để tránh sai sót. Nếu có gì sai sót còn sửa đổi kịp thời.

Lưu ý trên B/L phải ghi “OCEAN FREIGHT PREAID” và có đóng dấu SURRENDERED.

Bước 12: Làm C/O

Để làm C/O, nhân viên chứng từ khai báo thông qua hệ thống Ecosys hoặc hệ thống VCCI.

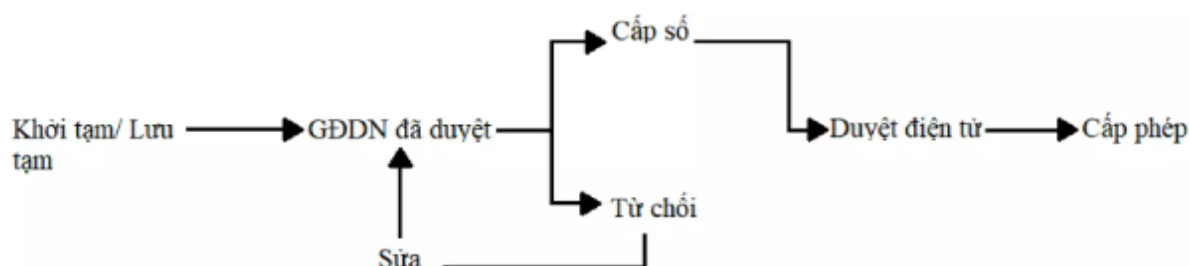


Hình 3.2. Hình ảnh trang web khai báo C/O.
(Nguồn: <https://ecosys.gov.vn/Homepage/HomePage.aspx>)

Nhân viên chứng từ chuẩn bị các chứng từ cần thiết để khai báo C/O:

- Hợp đồng - Invoice
- Packing list
- Phiếu kê khai nguyên phụ liệu
- Tờ khai hải quan

Quy trình khai báo C/O như sau:



Sơ đồ 3.3. Quy trình khai báo C/O.

(Nguồn: Tác giả tự vẽ.)

Bước 13: Thanh toán tiền hàng

Gửi bộ chứng từ đúng với quy định trong hợp đồng cho khách hàng qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế bao gồm:

- 03 bản gốc hóa đơn thương mại có chữ ký (SIGNED COMMERCIAL INVOICE IN 3 FOLD).
- 03 bản gốc phiếu đóng gói có chữ ký (SIGNED PACKING LIST IN 3 FOLD).
- 03 bản gốc vận tải đơn có ghi chú: OCEAN FREIGHT PREAID.
- 03 bản gốc giấy chứng nhận xuất xứ do nhà sản xuất cấp (CERTIFICATE OF ORIGIN IN 3 FOLD).
- 01 bản gốc C/O ưu đãi cho hàng xuất khẩu sang các nước thuộc diện hưởng ưu đãi thuế quan theo hiệp định.

Tập hợp đầy đủ bộ chứng từ theo yêu cầu, gửi chuyển phát nhanh cho khách hàng trước khi khách hàng thanh toán tiền hàng hoặc sau khi khách hàng thanh toán, tùy vào điều kiện thanh toán của hợp đồng.

3.1.3. Minh họa thực tiễn cho hoạt động xuất khẩu của COIMEX

Bước 1: Đàm phán và ký kết hợp đồng

Một mẫu hợp đồng của Công ty:

- Hợp đồng thương mại số SMF/0424/095 ký ngày 18/04/2024.

- Bên người bán: *CONDAO SEAPRODUCTS AND IMPORT EXPORT JOIN STOCK CO. (COIMEX)*

+ Địa chỉ: *40 Le Hong Phong, Vung Tau City, Ba Ria-Vung Tau Province, Vietnam*

+ Số điện thoại: *84.0254.3837794; 84.0254.3839507*

+ Số FAX: *84.0254.3839360*

+ Người đại diện: *Mr. TRUONG BACH THE*

- Bên người mua: *SEA MASTER FOOD SDN BHD*

+ Địa chỉ: *2446, MK1, SOLOK PERUSAHAAN SATU, KAWASAN PERUSAHAAN PERAI, 13600 PERAI, PENANG, MALAYSIA*

Các điều khoản trích trong hợp đồng gồm có:

- Bảng điều kiện hàng hóa:

+ Mô tả (tên, hình thức sản xuất, % trọng lượng tịnh, mã hàng, kích thước) và đóng gói (một gói bao nhiêu kg, bao bì chất liệu gì, bao nhiêu kgs/cont).

+ Số lượng thùng cartons cho mặt hàng (cont) và trọng lượng của mặt hàng (kgs).

- Đơn giá cho mặt hàng Surimi (USD/kg) theo điều kiện xuất khẩu “CFR VENICE” - theo INCOTERMS 2020.

- Tổng số tiền bằng số của cả lô hàng.

- Cảng dỡ hàng: Venice, Italy

- Thời gian giao hàng: Cuối tháng 6 năm 2024.

- Điều kiện thanh toán: Thanh toán bằng hình thức TTR 14 ngày kể từ khi B/L được phát hành.

- Hướng dẫn đóng gói: "as per Seapack Product specification" - theo tiêu chuẩn của một sản phẩm Seapack.

- Chú thích thêm: “Quantities plus/minus: 10% Allowed” - Dung sai: được phép +/- 10%.

Bước 2: Nhận đơn hàng và PI

Sau khi đàm phán hợp đồng, Phòng kinh doanh quốc tế sẽ nhận được mail order của đối tác, lúc này sẽ soạn PI. Nhân viên chứng từ sẽ lấy đơn hàng PO và PI về, kiểm tra số đơn hàng PO và số PI phòng các trường hợp bị trùng, thiếu hoặc sai sót, sau đó chuẩn bị thực hiện các bước tiếp theo.

Bước 3: Theo dõi lịch xuất hàng của nhà máy

Kiểm tra thông tin việc sản xuất và đóng gói của hàng hóa trên kênh thông tin của nhà máy căn cứ vào lượng hàng hóa theo hợp đồng.

Bước 4: Lấy Booking tàu

Điều kiện giao hàng trên hợp đồng là CFR nên việc lấy booking tàu sẽ do bên người mua thực hiện. Sau khi book tàu, SEA MASTER FOOD SDN BHD sẽ gửi thông tin liên quan đến con tàu cho COIMEX. Trên booking sẽ có những thông tin sau:

- Số booking: 6387654440
- Loại container và số lượng: 40RQ X 1
- Tên tàu/ số hiệu tàu: AN HAI 017S
- Cảng xếp hàng (Port of Loading): HOCHIMINH PORT VN
- Cảng dỡ hàng (Port of Discharge): VENICE PORT IT
- Ngày tàu chạy (ETD): 19/6/2024

Bước 5: Kiểm tra xác nhận cho đi hàng với kế toán

Với điều khoản thanh toán bằng phương thức TTR in advance, nhân viên kế toán của công ty sẽ đợi số tiền được thanh toán bởi bên mua. Khi ngân hàng thông báo số tiền mà khách chuyển khoản đã có trong tài khoản, bộ phận kế toán sẽ thông báo cho bộ phận chứng từ nhằm xác nhận cho phép hàng được gửi cho khách.

Bước 6: Gửi booking và lịch kéo container cho nhà xe

Với nhà xe được công ty thuê, nhân viên chứng từ của công ty sẽ liên hệ và gửi thông tin về booking và lịch kéo cho bên nhà xe để tiến hành công việc trước 2 ngày để đảm bảo ra hàng đúng thời hạn sau khi đã hoàn thành xong việc đóng xếp hàng vào container.

Bước 7: Xử lý Invoice & Packing list

Đây là bước nhân viên chứng từ chuẩn bị các chứng từ cần thiết cho việc khai hải quan và gửi cho khách hàng. Tùy theo khách hàng yêu cầu mà cách thể hiện Invoice và Packing list sẽ khác nhau.

Nhân viên chứng từ xử lý số liệu từ hợp đồng và PI để làm Invoice và Packing list, do đơn hàng từ hợp đồng SMF/0424/095 và hóa đơn 240619 có điều kiện thanh toán theo giá CFR nên cần phải phân bổ lại giá trị cho phù hợp với mỗi loại sản phẩm để ra được đơn giá đúng và hợp lý.

Bước 8: Khai hải quan

Nhân viên chứng từ lấy thông tin từ Booking confirmation, Invoice và Packing list đã làm ở bước trước để khai tờ khai hải quan. Nhân viên thực hiện thủ tục hải quan tại phần mềm VNACCS.

Sau các bước nhập thông tin, phải nhấn nút “Ghi” để lưu lại. Tiếp đến, chọn “Khai trước thông tin tờ khai (EDA)”, hệ thống sẽ trả về bản nháp tờ khai hải quan (chưa có kết quả phân luồng do thông tin chưa cập nhật vào hệ thống).

Sau khi kiểm tra thông tin, nhân viên chứng từ sử dụng chữ ký số mà Công ty đã đăng ký với hải quan để xác nhận danh tính. Ở mỗi chữ ký số đều có mã pin để đảm bảo tính bảo mật của thông tin. Sau khi đã xác nhận chữ ký số, tiến hành kiểm tra lại thông tin được hệ thống trả về. Nếu chính xác thì bắt đầu “Khai chính thức tờ khai (EDC)” với hệ thống hải quan. Sau khi khai chính thức, hải quan sẽ trả về số tờ khai và kết quả phân luồng.

Ở đây lô hàng này được phân vào luồng xanh nên nhân viên chứng từ sẽ thông báo với nhà kho để đóng seal.

Ngoài ra, còn có các kết quả luồng khác cần lưu ý như:

- Luồng xanh: Hàng hóa được phân mã kiểm tra là 1: miễn kiểm tra chi tiết hồ sơ, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa.
- Luồng vàng: Hàng hóa được phân mã kiểm tra là 2: kiểm tra chi tiết hồ sơ, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa.
- Luồng đỏ: Hàng hóa được phân mã kiểm tra là 3: kiểm tra chi tiết hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa.

Hình 3.4. Thông tin phân luồng tại VNACCS.
(Nguồn:
<https://ecosys.gov.vn/Homepage/HomePage.aspx>)

Sau đó nhân viên chứng từ lên trang web hải quan Việt Nam (customs.gov.vn) để lấy mã vạch danh sách container đủ điều kiện qua khu vực giám sát hải quan để chuẩn bị cho bước thanh lý hàng.

Sau khi đóng seal, xe sẽ kéo container đã có hàng ra cảng xuất hàng và đăng ký hạ container có hàng chờ xuất bằng Packing list container xuất trình ở thương vụ cảng, đóng tiền hạ container hàng và nhận phiếu giao nhận container để xuất trình khi qua cổng.

Bước 9: Gửi SI cho hãng tàu/ đại lý

Nội dung trên SI của lô hàng bao gồm:

- Tên và địa chỉ người gửi hàng (SHIPPER):
*CONDAO SEAPRODUCTS AND IMPORT EXPORT JOIN STOCK CO.
(COIMEX)
40 LE HONG PHONG ST, VUNG TAU CITY, VIETNAM*
- Tên và địa chỉ người nhận hàng (CONSIGNEE):
*SEA MASTER FOOD SDN BHD
2446, MK1, SOLOK PERUSAHAAN SATU, KAWASAN PERUSAHAAN
PERAI, 13600 PERAI, PENANG, MALAYSIA*
- Người được thông báo (NOTIFY): sẽ là người mua (same as the consignee)
- Cảng đi - cảng đến (FROM - TO): *HOCHIMINH PORT, VIETNAM - VENICE
PORT, ITALY*
- Tên tàu (Vessel): *AN HAI 017S*
- Loại cont và số cont/ số seal (CONT/ SEAL NO): *40RQ TTNU8674321 /
27052234*
- Thông tin về hàng hóa (COMMODITY):
 - + HS.NO: 1604 Prepared or preserved fish, caviar and caviar substitutes prepared from fish eggs - Cá đã được chế biến hay bảo quản; trứng cá tầm muối và sản phẩm thay thế trứng cá tầm muối chế biến từ trứng cá
160420 Other prepared or preserved fish - Cá đã được chế biến hoặc bảo quản cách khác
16042005 Preparations of surimi - Nguyên liệu của surimi
 - + ORIGIN: *VIETNAM*
 - + CFR *VERNICE, ITALY*

- Tổng trọng lượng (GROSS WEIGHT): 19950KGS
- Trọng lượng hàng (CBM): 41.8 CBM
- Số kiện (NO. OF PACKAGES): 1900 CARTONS

Bước 10: Thanh lý hải quan

Hàng đã được phân luồng xanh, nhân viên của công ty sẽ bắt đầu gửi mail các chứng từ cần thiết: tờ khai, mã vạch container, booking

Bước 11: Kiểm tra B/L

So sánh các thông tin giữa packing list, booking, S/I với B/L nhằm tránh sai sót và đảm bảo tính đồng nhất giữa các thông tin.

Bước 12: Làm C/O

Hình 3.5. Minh họa khai báo C/O trên trang Ecosys.
(Nguồn: <https://www.youtube.com/watch?v=-z7cZSAP3PY>)

Chọn khai báo C/O như trong hình và nhập thông tin khai báo C/O:

- Mã số thuế: 3500121495 (Mặc định)
- Issuing authority: Phòng Quản Lý XNK Khu Vực Vũng Tàu
- Loại C/O (Form): EUR.1
- Nước nhập khẩu (Importing country): ITALY
- Số tờ khai hải quan (Export declaration number): 306503426520
- Ngày khai hải quan: 15/06/2024

- Tên người xuất khẩu: CONDAO SEAPRODUCTS AND IMPORT EXPORT JOIN STOCK CO. (COIMEX)
- Địa chỉ: 40 LE HONG PHONG ST, VUNG TAU CITY, VIETNAM
- Tên người nhập khẩu: SEA MASTER FOOD SDN BHD
- Địa chỉ: 2446, MK1, SOLOK PERUSAHAAN SATU, KAWASAN PERUSAHAAN PERAI, 13600 PERAI, PENANG, MALAYSIA
- Loại hình vận tải (Transportation type): BY SEA
- Cảng đi (Port of loading): HOCHIMINH PORT VIETNAM
- Cảng đến (Port of discharge): VENICE PORT ITALY
- Tên tàu (Vessel's name): AN HAI 017S
- Ngày khởi hành (Departure date): 19/06/2024

Chọn “Add/ Update item” để khai báo thông tin hàng hóa cho C/O.

Kết hợp với Packing list để nhập lần lượt dữ liệu cho từng mặt hàng vào các mục trên tờ khai C/O:

- Exporting/ Importing HS code (Mã HS xuất nhập)
- Goods description (Mô tả hàng hóa)
- Origin criterion (Tiêu chí xuất xứ): tiêu chí xuất xứ của C/O form EUR.1 sẽ là PSR.
- Quantity (Số lượng)
- Mark and number on package (Đánh dấu và số trên kiện): không có ghi NO MARK
- Gross weight (Khối lượng tịnh)
- Package quantity (Số lượng kiện)
- Invoice number and date (Số và ngày tạo Invoice)
- FOB value and currency (Giá FOB và đơn vị tiền tệ)

Sau khi hoàn tất, nhân viên chứng từ kiểm tra lại các thông tin và chọn “Ký và gửi duyệt” để gửi chính thức tờ khai, khi tờ khai được duyệt điện tử, tiếp tục chọn “Xuất đơn đề nghị ra word” để lưu đơn xin cấp C/O về máy. Kiểm tra lại thông tin trên đơn trước khi in ra giấy để làm hồ sơ xin cấp C/O.

Nhân viên chứng từ trình bộ hồ sơ này cho cấp trên, sau đó mang đến Phòng Quản lý XNK của Bộ Công Thương để xin đóng dấu. Cơ quan quản lý sẽ lưu một bản,

và trả về hai bản C/O còn lại. Nhân viên chứng từ sẽ gửi bản Original cho người Nhập khẩu, bản Triplicate sẽ do Công ty giữ lại.

Bước 13: Giao chứng từ cho người mua

Các bộ chứng từ cần thiết sẽ được tổng hợp lại và được gửi kèm trong một bản danh sách được lập theo yêu cầu của hợp đồng. Công ty sẽ lựa chọn công ty chuyển phát nhanh quốc tế an toàn, nhanh chóng đến tay khách hàng.

3.2. Đánh giá hoạt động xuất khẩu hàng Surimi bằng container của Công ty CP Thủy sản và Xuất nhập khẩu Côn Đảo (COIMEX)

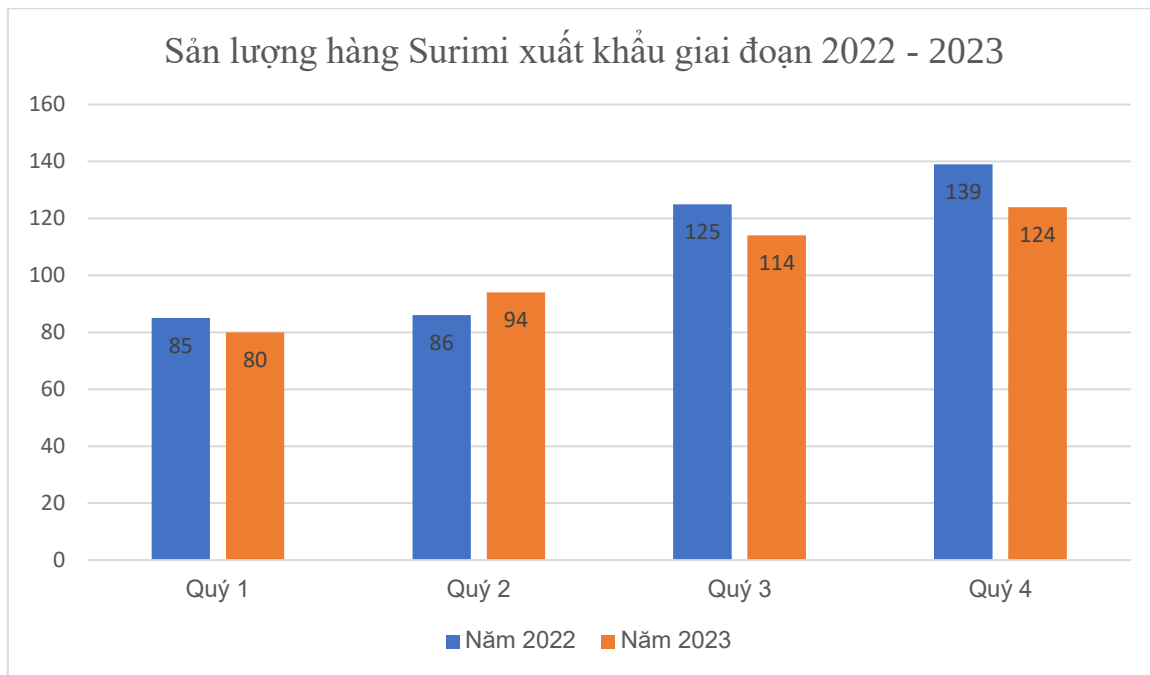
3.2.1. Đánh giá sản lượng hàng Surimi xuất khẩu theo thời gian của Công ty

Đơn vị: TEU

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2022		NĂM 2023		CHÊNH LỆCH	TỶ LỆ ĐẠT (%)
		SẢN LƯỢNG	TỶ TRỌNG (%)	SẢN LƯỢNG	TỶ TRỌNG (%)		
1	Quý 1	85	19,54	80	19,42	(5)	94,12
2	Quý 2	86	19,77	94	22,82	8	109,3
3	Quý 3	125	28,74	114	27,67	(11)	91,2
4	Quý 4	139	31,95	124	30	(15)	89,21
Tổng cộng		435	100	412	100	(23)	94,71

Bảng 3.6. Sản lượng hàng Surimi xuất khẩu bằng container của Công ty CP Thủy sản và Xuất nhập khẩu CÔN ĐẢO (COIMEX) theo thời gian giai đoạn 2022 - 2023.

(Nguồn: Phòng Kinh doanh COIMEX)



Biểu đồ 3.7. Sản lượng hàng Surimi xuất khẩu bằng container của Công ty theo thời gian giai đoạn 2022 - 2023.

(Nguồn: Phòng Kinh doanh COIMEX)

Nhận xét:

Theo bảng 3.5, tình hình sản lượng xuất khẩu hàng hóa bằng container theo từng quý của công ty có sự chênh lệch và biến động không đồng đều. Đặc biệt, sản lượng hàng hóa của năm 2023 theo từng quý có xu hướng giảm sút so với sản lượng hàng hóa của từng quý trong năm 2022. Trong đó, năm 2023, sản lượng xuất khẩu bằng container của công ty là 412 TEU so với năm 2022 là 435 TEU giảm 23 TEU tương ứng mức giảm khoảng 5,29%. Nguyên nhân giảm sút xảy ra theo từng quý là:

Với quý 1, sản lượng container xuất khẩu năm 2022 là 85 TEU, sản lượng này chiếm 19,54% so với tổng sản lượng container xuất khẩu và là quý có sản lượng hàng hóa xuất khẩu bằng container chiếm ít nhất trong năm 2022. Sang quý 1 năm 2023, sản lượng xuất khẩu là 80 TEU (chiếm 19,42% sản lượng xuất khẩu cả năm). Điều này cho thấy sản lượng giảm nhẹ từ 85 TEU (2022) xuống 80 TEU (2023), tương ứng mức giảm 5 TEU và đạt tỷ lệ 94,12% so với kế hoạch. Đối với đầu năm 2023, sự giảm nhẹ về sản lượng này là không quá lớn. Vì khoảng thời gian cuối năm này đầu năm sau là khoảng thời gian kết thúc hợp đồng cũ và bắt đầu ký kết hợp đồng mới. Ngoài ra, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cũng là nguyên nhân làm giảm nhẹ tình hình xuất khẩu của COIMEX vào quý 1.

Với quý 2 năm 2022, sản lượng hàng hóa xuất khẩu bằng container là 86 TEU, chiếm 19,77% so với tổng lượng container xuất khẩu của cả năm. Sang năm 2023, sản lượng container xuất khẩu 94 TEU tăng TEU so với năm 2022, đạt tỷ lệ 109,3%. Sự tăng trưởng này cho thấy công ty có khả năng khai thác tốt hơn giai đoạn giữa năm.

Với quý 3 năm 2022, sản lượng xuất khẩu bằng container của công ty là 125 TEU, tương ứng chiếm 28,74% sản lượng hàng xuất khẩu bằng container của công ty. Đến năm 2023 cùng kỳ, công ty có sản lượng hàng xuất khẩu bằng container là 114 TEU (chiếm 27,67% trong tổng sản lượng xuất khẩu cả năm). Đây là sự khoảng giảm không quá lớn của năm 2023 so với năm 2022 cùng quý 3 tại công ty với lượng chênh lệch tuyệt đối là 11 TEU. Với mức giảm 11 TEU của quý đã có sự ảnh hưởng tiêu cực nhỏ đến sản lượng của năm.

Với quý 4, sản lượng xuất khẩu hàng hóa bằng container của công ty năm 2022 là 139 TEU, chiếm 31,95% so với tổng số lượng hàng hóa xuất khẩu cả năm của công ty. Đây là quý có số lượng hàng xuất khẩu bằng container chiếm cao nhất trong cả bốn quý của công ty. Sang năm 2023, sản lượng hàng hóa xuất khẩu bằng container tại quý 4 là 124 TEU (chiếm 30% tổng sản lượng xuất khẩu của cả năm). So với quý 4 năm 2022, quý 4 năm 2023 có sự giảm hụt về sản lượng xuất khẩu bằng container. Sản lượng hàng hóa xuất khẩu bằng container giảm 15 TEU. Đây là tín hiệu đáng báo động, vì quý 4 thường là thời điểm cao điểm cho xuất khẩu. Đối với năm 2023, đây là hệ quả của việc ảnh hưởng bởi cuộc chiến tranh thương mại nhưng công ty vẫn tiếp tục cố gắng trong quá trình thu hút lượng khách hàng và duy trì cho quá trình xuất khẩu hàng hóa để hàng hóa không bị tiếp tục giảm mạnh như tại quý 4.

Nhìn chung, năm 2023 là một năm không được thuận lợi nhiều của công ty với lượng hàng hóa có chiều giảm sút, đặc biệt là trong khoảng quý 3 và quý 4 bởi sự ảnh hưởng của chiến tranh, cạnh tranh thương mại. Công ty nên có những định hướng và kế hoạch tốt nhằm xoay chuyển chiều hướng và gia tăng lượng hàng hóa xuất khẩu.

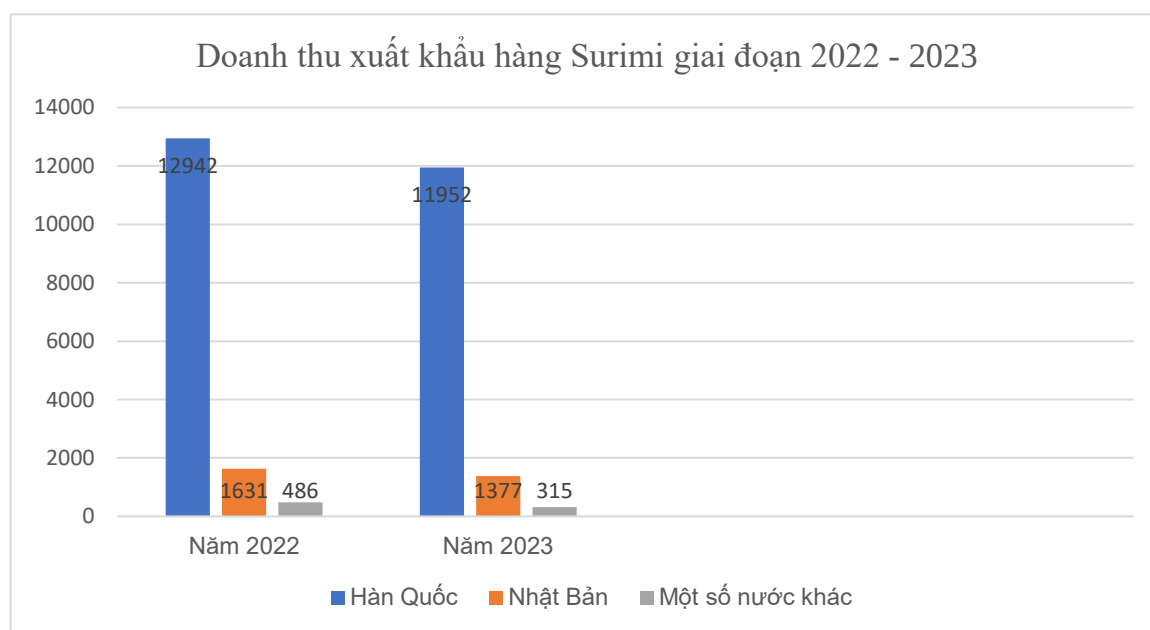
3.2.2. Đánh giá doanh thu hàng Surimi xuất khẩu bằng container theo thị trường của Công ty

Đơn vị: Nghìn USD

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2022		NĂM 2023		CHÊNH LỆCH	TỶ LỆ ĐẠT (%)
		DOANH THU	TỶ TRỌNG (%)	DOANH THU	TỶ TRỌNG (%)		
1	Hàn Quốc	12942	85,94	11952	87,60	(990)	92,35
2	Nhật Bản	1631	10,83	1377	10,09	(254)	84,43
3	Một số nước khác	486	3,23	315	2,31	(171)	64,81
Tổng cộng		15059	100	13644	100	(1415)	90,60

Bảng 3.8. Doanh thu xuất khẩu hàng Surimi bằng container của Công ty CP Thủy sản và Xuất nhập khẩu CÔN ĐẢO (COIMEX) theo thời gian giai đoạn 2022 - 2023.

(Nguồn: Phòng Kinh doanh COIMEX)



Biểu đồ 3.9. Doanh thu xuất khẩu hàng Surimi bằng container của Công ty theo thời gian giai đoạn 2022 - 2023.

(Nguồn: Phòng Kinh doanh COIMEX)

Nhân xét:

COIMEX cùng mối quan hệ rộng rãi với các đối tác quốc tế đã đáp ứng nhu cầu của các khách hàng ở các nước khác nhau. Các thị trường mà công ty luôn hoạt động mạnh tại các châu lục thông qua các đơn hàng xuất khẩu Surimi đi các nước gồm có Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, Thái Lan, Pháp, Canada,...

Tổng doanh thu xuất khẩu Surimi năm 2023 đạt 13.644 nghìn USD, giảm 1.415 nghìn USD (tương ứng giảm khoảng 9,4%) so với năm 2022 (15.059 nghìn USD). Tỷ lệ đạt kế hoạch chung là 90,60%, cho thấy công ty chưa hoàn thành mục tiêu đặt ra. Sự sụt giảm này phản ánh khó khăn trong việc duy trì mức doanh thu trên các thị trường xuất khẩu chính.

Với thị trường Hàn Quốc, năm 2023, doanh thu từ thị trường Hàn Quốc đạt 11.952 nghìn USD, giảm 990 nghìn USD (tương đương giảm 7,6%) so với năm 2022 (12.942 nghìn USD). Tuy nhiên, Hàn Quốc vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất (87,60%), tăng nhẹ so với mức 85,94% năm 2022. Tỷ lệ đạt kế hoạch là 92,35%. Điều này cho thấy Hàn Quốc tiếp tục là thị trường trọng điểm của công ty, nhưng mức giảm doanh thu có thể do nhu cầu giảm hoặc cạnh tranh từ các đối thủ quốc tế.

Tiếp sau thị trường Hàn Quốc là thị trường Nhật Bản với tổng doanh thu đứng thứ hai trong hai năm 2022 và 2023. Năm 2023, thị trường Nhật Bản đạt doanh thu 1.377 nghìn USD, giảm 254 nghìn USD (tương ứng giảm khoảng 15,6%) so với năm 2022 (1.631 nghìn USD). Tỷ trọng của Nhật Bản tăng nhẹ từ 10,83% (năm 2022) lên 10,09% (năm 2023), với tỷ lệ đạt kế hoạch chỉ 84,39%. Điều này phản ánh sự giảm sút rõ rệt trong năng lực cạnh tranh của công ty tại thị trường này, có thể do các yêu cầu khắt khe hơn từ phía đối tác hoặc giá cả chưa phù hợp.

Cuối cùng là các thị trường khác gồm các nước như Thái Lan, Hồng Kông, Pháp, Canada. Đây là những thị trường chiếm vị trí nhỏ với doanh thu năm 2022 đạt 486 nghìn USD. Năm 2023 đạt 315 nghìn USD, giảm 171 nghìn USD (tương đương giảm 35,2%) so với năm 2022 (486 nghìn USD). Tỷ trọng của nhóm thị trường này giảm từ 3,23% (năm 2022) xuống 2,31% (năm 2023), với tỷ lệ đạt kế hoạch thấp nhất, chỉ 64,81%. Nguyên nhân có thể là do quy mô giao dịch nhỏ và mức độ ưu tiên thấp trong chiến lược xuất khẩu của công ty.

Với tình hình xuất khẩu đầy biến động trong năm 2023 do tình hình kinh tế - xã hội vẫn tiếp tục bị ảnh hưởng bởi hậu đại dịch Covid-19, những xung đột chính trị, quân

sự trên thế giới gây tắc nghẽn chuỗi cung ứng, làm tăng nguyên vật liệu đầu vào sản xuất khiến cho hoạt động sản xuất kinh doanh và xuất khẩu của nhiều đơn vị bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Hàn Quốc tiếp tục là thị trường lớn nhất, chiếm ưu thế vượt trội với tỷ trọng trên 85% trong cả hai năm, chứng minh vai trò chiến lược của thị trường này trong hoạt động xuất khẩu Surimi của công ty. Tuy nhiên, sự phụ thuộc quá lớn vào một thị trường có thể mang đến rủi ro khi có biến động, như nhu cầu giảm hoặc chính sách nhập khẩu thay đổi. Trong khi đó, Nhật Bản và nhóm thị trường nhỏ hơn đóng vai trò bổ trợ, nhưng đang cho thấy dấu hiệu suy giảm cả về doanh thu và tỷ trọng. Chính vì vậy, thông qua các hoạt động thường niên như hội chợ, triển lãm,... công ty nên đa dạng hóa thị trường xuất khẩu để giảm phụ thuộc vào Hàn Quốc, tập trung phát triển thêm các thị trường tiềm năng khác. Ngoài ra, cần tăng cường hoạt động marketing và xúc tiến thương mại tại các thị trường nhỏ, tận dụng các cơ hội để mở rộng hợp tác.

3.3. Phân tích hoạt động xuất khẩu hàng Surimi theo ma trận SWOT

3.3.1. Điểm mạnh (Strengths)

- Cơ sở vật chất kỹ thuật tiên tiến, công nghệ hiện đại.
- Đạt tiêu chuẩn chất lượng HACCP và được phép xuất khẩu vào EU cũng như một số thị trường khác.
- Học hỏi được kinh nghiệm quản lý và xuất khẩu của những doanh nghiệp đi trước.
- Khả năng tự cung cấp nguyên liệu khá cao.

3.3.2. Điểm yếu (Weaknesses)

- Kinh nghiệm quản lý và xuất khẩu chưa cao.
- Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu dưới dạng thô chưa trải qua quá trình chế biến và giá trị chưa cao.
- Khả năng nghiên cứu trực tiếp từ thị trường chưa cao.

3.3.3. Cơ hội (Opportunities)

- Nhu cầu tiêu dùng Surimi thị trường trên thế giới đang tăng cao.
- Được sự quan tâm đặc biệt của chính phủ.
- Nguyên liệu chế biến Surimi phổ biến và phù hợp với ngành cá khai thác trong nước.
- Phế phẩm từ surimi cũng là nguyên liệu chính để sản xuất bột cá, giúp giảm nhập

siêu bột cá và đảm bảo kinh tế tuần hoàn.

3.3.4. Thách thức (Threats)

- Quy trình bảo quản cá đánh bắt và xử lý nước thải đang là vấn đề nan giải.
- Sự bất cân đối giữa nguồn lợi hải sản và số lượng nhà máy chế biến.
- Hàng rào tiêu chuẩn của các nước ngày càng cao, đặc biệt là EU.
- Vấn đề IUU (đánh bắt bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định).
- Tính liên kết giữa các công ty trong ngành chưa cao, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp nhỏ.

3.3.5. Đánh giá hoạt động xuất khẩu hàng Surimi theo ma trận SWOT

Bảng 3.10. Đánh giá hoạt động xuất khẩu hàng Surimi theo ma trận SWOT.

SWOT	Cơ hội (Opportunities)	Thách thức (Threats)
Điểm mạnh (Strenghts)	Chiến lược SO	Chiến lược ST
	• Tăng cường sản xuất nhằm khai thác tối đa nhu cầu của khách hàng, đặc biệt là thị trường khó tính. • Đa dạng hóa các mặt hàng xuất khẩu, nhất là các sản phẩm chế biến, hàng đã qua giá trị gia tăng. • Tăng cường xây dựng mối quan hệ với các nhà phân phối tại những thị trường tiềm năng.	• Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, nhằm đáp ứng những nhu cầu khắt khe của thị trường, đồng thời nâng cao uy tín nhãn hiệu của công ty. • Tăng cường kiểm tra, kiểm soát nguồn nguyên liệu đầu vào, tránh tình trạng phụ thuộc vào nguyên liệu ngoài công ty. • Gia nhập thành viên của các hiệp hội trong ngành nhằm được bảo vệ và hỗ trợ trong việc kiểm nghiệm hóa.

	Chiến lược WO	Chiến lược WT
Điểm yếu (Weaknesses)	• Nâng cao chất lượng nhằm nâng cao uy tín của công ty tại các thị trường khó tính. • Đa dạng hóa các mặt hàng xuất khẩu, nhất là các hàng đã qua chế biến. • Tăng cường xây dựng các mối quan hệ với các nhà phân phối tại các thị trường tiềm năng.	• Hạn chế tối đa không đáp ứng mức độ tiêu chuẩn về vệ sinh và sinh thực phẩm. • Tăng cường tiếp cận thông tin thị trường và bộ phận khách hàng về các chỉ tiêu nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm và uy tín.

CHƯƠNG 4: MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH DOANH XUẤT KHẨU HÀNG HÓA BẰNG ĐƯỜNG BIỂN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO (COIMEX)

4.1. Giải pháp xuất nhập khẩu hàng hóa bằng đường biển của Công ty COIMEX

4.1.1. Giải pháp mở rộng thị trường và tăng hiệu quả xuất khẩu của Công ty

Qua việc phân tích ma trận SWOT cho Công ty Cổ phần Thủy sản và Xuất nhập khẩu Côn Đảo (COIMEX), bên cạnh những điểm mạnh và cơ hội mà công ty đang có thì cũng còn rất nhiều những khó khăn và thách thức đối với một doanh nghiệp xuất khẩu. Để đạt được những mục tiêu mà doanh nghiệp đã đề ra đòi hỏi phải có sự cố gắng của các thành viên trong công ty, từ ban lãnh đạo, các nhân viên, đến các công nhân làm việc tại các xưởng, nhà máy,... Một số giải pháp mà công ty có thể áp dụng để tăng hiệu quả xuất khẩu mà công ty có thể áp dụng:

❖ Theo các số liệu xuất khẩu thủy sản của Việt Nam năm 2023, EU là thị trường đứng thứ tư trong danh sách các khu vực nhập khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam, với 27 quốc gia có nền kinh tế phát triển nhất thế giới thật sự là một thị trường rộng lớn mà công ty có thể khai thác. Tuy nhiên, việc EU vẫn giữ "thẻ vàng" IUU cùng những yêu cầu khắt khe về truy xuất nguồn gốc và quy định chống khai thác bất hợp pháp tiếp tục là rào cản lớn. Do đó, để khai thác sâu vào khu vực này công ty nên chú trọng đến vấn đề về vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm và mức độ thân thiện với môi trường. Ngoài ra, để duy trì và mở rộng thị trường, cần tăng cường tuân thủ quy định quốc tế, đồng thời đẩy mạnh các chương trình quảng bá sản phẩm chất lượng cao và xây dựng thương hiệu ở thị trường EU.

❖ Hàn Quốc là thị trường xuất khẩu trọng điểm của mặt hàng Surimi Việt Nam, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu xuất khẩu của ngành thủy sản. Và thị trường xuất khẩu Surimi trọng điểm của COIMEX là Hàn Quốc và Nhật Bản. Tuy nhiên, giá trị xuất khẩu Surimi năm 2023 có xu hướng giảm nhẹ so với năm trước do cạnh tranh từ các quốc gia khác như Thái Lan và Trung Quốc, cũng như tác động từ kinh tế toàn cầu. Do đó, cần tập trung đầu tư công nghệ chế biến hiện đại, đảm bảo sản phẩm đạt các chứng nhận quốc tế như HACCP, ISO 22000 để đáp ứng yêu cầu của cả Hàn Quốc và Nhật Bản. Phát triển các dòng Surimi cao cấp với giá trị gia tăng, phù hợp với thị hiếu của từng thị trường, chẳng hạn như bánh cá Kamaboko cho Nhật Bản và chả cá chế biến sẵn

cho Hàn Quốc. Ngoài ra, doanh nghiệp cần tận dụng lời thề từ các hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Hàn Quốc (KVFTA) hay các Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA) để hưởng các ưu đãi thuế quan để tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm Surimi.

4.1.2. Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động phòng kinh doanh

Trong thời đại công nghệ 4.0, với sự phát triển của công nghệ thông tin được áp dụng vào mọi mặt đời sống. Đội ngũ nhân viên bộ phận cung ứng, chứng từ của công ty COIMEX ngoài chuyên môn nghiệp vụ cần phải được trang bị kỹ năng sử dụng các phần mềm phục vụ cho công việc như BES, VNACCS, Công ty nên tổ chức cho nhân viên tham gia khóa đào tạo ngắn hạn nhằm tiếp cận với nhiều phần mềm hỗ trợ công việc thêm hiệu quả.

Công ty nên cập nhật và phổ biến những thay đổi trong chính sách, văn bản luật pháp về hoạt động xuất nhập, những thay đổi trong chính sách của nhà nước, các quy tắc của hải quan để giúp việc thực hiện các thủ tục hay các nghiệp vụ liên quan được thực hiện đúng đắn, nhanh chóng, dễ dàng hơn, giúp tiết kiệm được một khoản chi phí và tránh sai sót do không cập nhật. Đặc biệt đối với nhân viên chứng từ xuất nhập khẩu, cần chủ động hơn nữa trong vấn đề cập nhật thông tin về chính sách pháp luật của Nhà nước ta và các nước đối tác áp dụng trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu.

Đầu tư trang thiết bị văn phòng phù hợp, việc trang bị thêm trang thiết bị hiện đại luôn gắn chặt với chính sách con người. Nếu các cán bộ công nhân trong Công ty không được đào tạo đủ trình độ để sử dụng thì những trang thiết bị dù hiện đại đến đâu cũng không thể phát huy được hết tác dụng và đôi khi nó chỉ giữ vai trò là vật trang trí. Ngoài ra, tận dụng các cơ hội để mua sắm các trang bị với giá ưu đãi, tránh những chi phí bỏ ra không phục vụ cho hoạt động chính cần thiết đến với doanh nghiệp.

4.1.3. Giải pháp khắc phục trong trường hợp tàu trễ lịch

Nguyên nhân do tàu trễ lịch: các yếu tố khách quan như dịch bệnh, điều kiện thời tiết xấu, do tàu bị kẹt ở cảng, khâu chuyển tải chậm hoặc tàu bị nạn, ...

Giải pháp khắc phục: Trong trường hợp công ty COIMEX là người đặt tàu, nhân viên nên ưu tiên đặt tàu có những tuyến đi thẳng (Direct) nhằm giảm thời gian cập ở cảng chuyển tải (Transshipment – Hub port) và hạn chế các rủi ro đi kèm. Công ty cần quan tâm lựa chọn hãng tàu có tần suất chuyến trong tuần cao để kịp thời thay đổi tàu nếu có sự cố xảy ra, chọn tuyến có thời gian ETA – ETD hay ATA – ATD đến cảng xếp

Tuy nhiên, mỗi hãng tàu lại có những điểm mạnh riêng biệt, từ phạm vi hoạt động, chất lượng dịch vụ đến chiến lược phát triển bền vững. Do đó, để có cái nhìn tổng quan hơn về giải pháp này. Dưới đây là ví dụ minh họa xuất khẩu một lô hàng Surimi sang Hàn Quốc với ba hãng tàu là ONE, T.S. LINES, Hapag-Lloyd.

Hãng tàu	Số Chuyến
T.S. LINES	3
ONE	5
Hapag-Lloyd	5

Change Location

Vietnam



T.S. LINES

ABOUT US

LATEST NEWS

LOCATIONS

E-SERVICE

MENU

QUICK LINK

Port To Port Schedule

In addition to direct shipping, transportation services can be transferred to the destination port via trans shipment, and customers can contact local businesses for the latest information

Area

VIETNAM

POL

HOCHIMINH CITY

POL ETD From

2025/01/05

Select date

To

2025/02/28

Select date

Area

KOREA

POD

BUSAN

GO

Service	Vessel Name	Voyage No.	POL/ETD	POD/ETA	Sailing Time
<u>PAS</u>	<u>TS HOCHIMINH</u>	25001N	VNHCM 2025/01/23 16:00	KRPUS 2025/02/01 15:00	9.0
<u>PAS</u>	<u>YM CERTAINTY</u>	067N	VNHCM 2025/01/29 00:00	KRPUS 2025/02/08 15:00	10.6
<u>PAS</u>	<u>WAN HAI 322</u>	N041	VNHCM 2025/02/05 00:00	KRPUS 2025/02/15 15:00	10.6

52

Point to Point Schedule

CAI MEP, VIETNAM to PUSAN, KOREA REPUBLIC OF

Vessel Departure on 2025-01-05 | Period Range: 2 Weeks

5 result(s) Sort by: Earliest Departure Service Lane: All

POL: All

POD: All

[BOOK HERE](#) >
 [GO TO SCHEDULE](#) >

BE IN THE KNOW WHILE ON THE GO
INSTALL THE ENHANCED ONE MOBILE APP TODAY!

Origin 2025-01-08 Destination 2025-01-20 DIRECT	Vessel / Voyage SPARKLE 1181N Service Origin Destination CTP CY CY	Inland Cut off 2025-01-06 11:00 DRY/GENERAL Doc Cut off 2025-01-07 16:00	Port Cut off 2025-01-06 11:00 DRY/GENERAL VGM Cut off 2025-01-06 11:00
Origin 2025-01-08 Destination 2025-01-15 DIRECT	Vessel / Voyage YM WHOLESOME 043E Service Origin Destination PS7 CY CY	Inland Cut off 2025-01-05 23:59 DRY/GENERAL Doc Cut off 2025-01-03 10:00	Port Cut off 2025-01-05 23:59 DRY/GENERAL VGM Cut off 2025-01-05 23:59
Origin 2025-01-11 Destination 2025-01-23 DIRECT	Vessel / Voyage STARSHIP NEPTUNE 004N Service Origin Destination CTP CY CY	Inland Cut off 2025-01-07 13:00 DRY/GENERAL Doc Cut off 2025-01-07 16:00	Port Cut off 2025-01-07 13:00 DRY/GENERAL VGM Cut off 2025-01-07 13:00
Origin 2025-01-15 Destination 2025-01-21 DIRECT	Vessel / Voyage YM WELLHEAD 046E Service Origin Destination PS7 CY CY	Inland Cut off 2025-01-12 23:59 DRY/GENERAL Doc Cut off 2025-01-10 10:00	Port Cut off 2025-01-12 23:59 DRY/GENERAL VGM Cut off 2025-01-12 23:59
Origin 2025-01-18 Destination 2025-02-02 DIRECT	Vessel / Voyage PALAWAN 008N Service Origin Destination CTP CY CY	Inland Cut off 2025-01-14 13:00 DRY/GENERAL Doc Cut off 2025-01-14 16:00	Port Cut off 2025-01-14 13:00 DRY/GENERAL VGM Cut off 2025-01-14 13:00

Hình 4.3. Thông tin các chuyến tàu từ Việt Nam sang Hàn Quốc của hãng tàu ONE.
(Nguồn: <https://ecomm.one-line.com/one-ecom/schedule/point-to-point-schedule>)

We're hiring! Log In

[Home](#)
[Services & Information](#)
[Our Company](#)
[Online Business Suite](#)

Quote

Schedule

Book

Documentation

Finance

Quote

Schedule

Book

Documentation

Finance

Schedule BETA

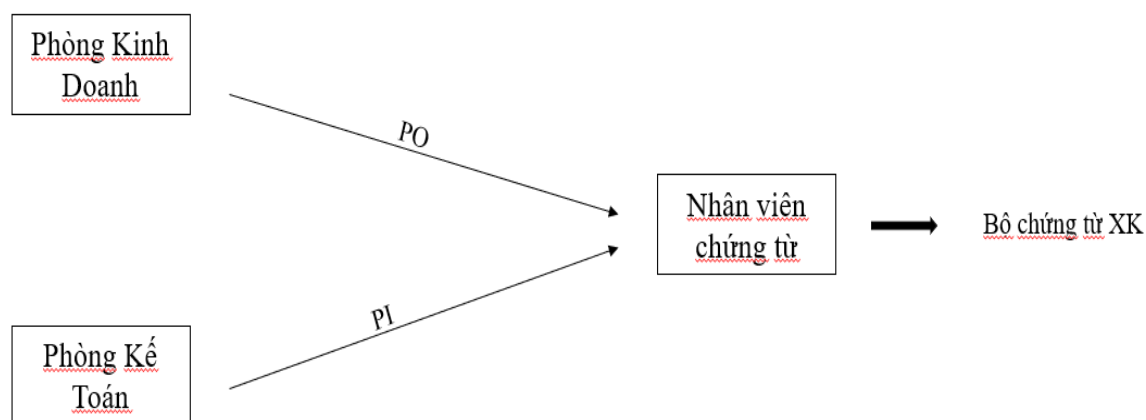
About this app

2025-01-08 Terminal / Ramp (PoL) VUNG TAU, VNVUT → PS7 YM WHOLESOME Voyage no.: 043E	2025-01-15 Terminal / Ramp (PoD) BUSAN, KRPUS Doc Cut-off 2025-01-03 FCL Cut-off 2025-01-06 VGM Cut-off 2025-01-06	Show Details
2025-01-15 Terminal / Ramp (PoL) VUNG TAU, VNVUT → PS7 YM WELLHEAD Voyage no.: 046E	2025-01-22 Terminal / Ramp (PoD) BUSAN, KRPUS Doc Cut-off 2025-01-10 FCL Cut-off 2025-01-13 VGM Cut-off 2025-01-13	Show Details
2025-01-22 Terminal / Ramp (PoL) VUNG TAU, VNVUT → PS7 YM WELCOME Voyage no.: 044E	2025-01-29 Terminal / Ramp (PoD) BUSAN, KRPUS Doc Cut-off 2025-01-17 FCL Cut-off 2025-01-20 VGM Cut-off 2025-01-20	Show Details
2025-01-29 Terminal / Ramp (PoL) VUNG TAU, VNVUT → PS7 YM WELLNESS Voyage no.: 043E	2025-02-05 Terminal / Ramp (PoD) BUSAN, KRPUS Doc Cut-off 2025-01-24 FCL Cut-off 2025-01-27 VGM Cut-off 2025-01-27	Show Details
2025-01-21 Terminal / Ramp (PoL) VUNG TAU, VNVUT → PNX TSINGTAO EXPRESS Voyage no.: 2503E	2025-01-30 Terminal / Ramp (PoD) BUSAN, KRPUS Doc Cut-off 2025-01-17 FCL Cut-off 2025-01-20 VGM Cut-off 2025-01-20	Show Details

Hình 4.4. Thông tin các chuyến tàu từ Việt Nam sang Hàn Quốc của hãng tàu Hapag-Lloyd.
(Nguồn: <https://www.hapag-lloyd.com/en/home.html>)

Dựa trên bảng số liệu, có thể thấy sự phụ thuộc lớn vào một số hãng tàu như ONE và Hapag-Lloyd, với số chuyến vượt trội so với T.S. Lines. ONE cũng được biết đến với dịch vụ container lạnh chất lượng cao, thích hợp cho hàng hóa như surimi hoặc các sản phẩm đông lạnh khác. Do đó, công ty có thể ưu tiên ONE hoặc Hapag-Lloyd nếu cần tần suất vận chuyển cao, đảm bảo thời gian giao hàng và chất lượng dịch vụ. Xem xét T.S. Lines cho các lô hàng không gấp và cần tiết kiệm chi phí, nhưng cần có kế hoạch dự phòng nếu xảy ra gián đoạn.

4.1.4. Giải pháp khắc phục trong tiếp nhận và xử lý chứng từ



Sơ đồ 4.5. Quy trình tiếp nhận và xử lý chứng từ.

(Nguồn: Tác giả tự vẽ.)

Nguyên nhân dẫn đến chậm trễ trong tiếp nhận và xử lý chứng từ: phần lớn yếu tố chủ quan xuất phát từ quá trình cung cấp hoặc tiếp nhận thông tin của PO hay PI từ các nhân viên ở các bộ phận khác nhau cung cấp hoặc nhân viên chứng từ không cẩn thận cập nhật làm sai lệch mã HS của hàng hóa ở quốc gia khác nhau dẫn đến rắc rối và kéo dài thời gian làm thủ tục thông quan hàng hóa, phát sinh thêm chi phí cho các bên liên quan,...

Giải pháp khắc phục: Yêu cầu sự tỉ mỉ tối đa trong công việc của nhân viên trong tất cả các khâu. Nhân viên chứng từ cần kiểm tra kỹ lưỡng thông tin trên chứng từ ngay thời điểm nhận được từ khách hàng hoặc phòng ban khác, nếu phát hiện sai sót hoặc thiếu nhất quán giữa các chứng từ phải báo ngay cho các bên liên quan để kịp thời giải quyết. Với tình trạng cung cấp thông tin ở các đơn hàng, nhân viên ở các bên bộ phận liên quan như: bộ phận kinh doanh quốc tế (Int'I Sales), bộ phận chứng từ và bộ phận kế toán cần bố trí thời gian phù hợp, thống nhất giữa các bên về khoản thời gian cụ thể nhằm chốt được đơn hàng cuối cùng tránh phát sinh ra những sai sót không mong muốn.

4.2. Kiến nghị đề xuất phía Công ty cổ phần Thủy sản và Xuất nhập khẩu Côn Đảo (COIMEX) về phía các ban ngành

Công ty cổ phần Thủy sản và Xuất nhập khẩu Côn Đảo (COIMEX) là một trong những doanh nghiệp sản xuất surimi chủ lực của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế địa phương và ngành thủy sản của tỉnh. Nhằm tiếp tục phát huy vai trò tiên phong, Công ty COIMEX kính đề nghị các cơ quan ban ngành xem xét và hỗ trợ một số đề xuất.

Vấn đề IUU (đánh bắt bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định) vẫn là một thách thức lớn và phức tạp. Các doanh nghiệp mong muốn các cơ quan chức năng đẩy nhanh tiến độ giải quyết vấn đề này để hỗ trợ doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay. Đồng thời, Việt Nam chưa có cơ chế quản lý nghề theo mùa vụ, đặc biệt là trong mùa sinh sản của cá, dẫn đến tình trạng khai thác quá mức và suy thoái nguồn lợi hải sản. Do đó về phía các Ban ngành, Chính phủ kính mong cần thực hiện quy hoạch vĩ mô, đảm bảo cân đối giữa nguồn lợi hải sản và số lượng nhà máy chế biến. Việc quản lý nghề đánh bắt theo mùa vụ, đặc biệt là trong mùa sinh sản, sẽ giúp bảo vệ và phát triển bền vững nguồn lợi hải sản. Tham khảo các quốc gia như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, nơi đã áp dụng các biện pháp kiểm soát khai thác hiệu quả, thậm chí cấm tàu bè ra khơi khai thác vào thời điểm cá sinh sản. Ngoài ra, cần tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi phục vụ nâng cấp trang thiết bị sản xuất, đổi mới công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm surimi và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.

Về phía các Hiệp hội, cần được thành lập các Câu lạc bộ doanh nghiệp Surimi để kết nối các doanh nghiệp trên mọi miền tổ quốc. Cùng nhau hợp tác, chia sẻ, hỗ trợ nhau thúc đẩy phát triển bền vững ngành surimi, bột cá nói riêng và ngành thủy sản Việt Nam nói chung, cam kết sẽ luôn tiên phong trong phát triển kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững chuỗi cung ứng thủy sản thông qua việc tuân thủ chặt chẽ các quy định về môi trường, lao động, trách nhiệm xã hội, đặc biệt là quy định chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU).

Ngoài ra, kính mong tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, xúc tiến thương mại nhằm quảng bá các mặt hàng thủy sản trên các phương tiện thông tin đại chúng, hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện công tác truyền thông, quảng bá

sản phẩm và tìm kiếm, chinh phục thị trường tiềm năng. Đây là một trong những bước đi quan trọng nhằm thúc đẩy ngành thương mại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát triển theo hướng bền vững.

COIMEX tin rằng với sự hỗ trợ từ các cơ quan ban ngành, doanh nghiệp sẽ tiếp tục đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và ngành thủy sản Việt Nam nói chung.

KẾT LUẬN

Trong hơn 30 năm hoạt động với trải nghiệm nhiều biến chuyển của nền kinh tế nước nhà, chứng kiến những đổi mới, cải cách mang tính chiến lược của Chính phủ trong nỗ lực thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế trong nước, công ty COIMEX đã không ngừng đổi mới và lớn mạnh hơn trong thời gian qua, tiến đến mục tiêu mà công ty đã định. Với khả năng hiện tại, công ty đã tận dụng thế mạnh về kinh nghiệm và uy tín kết hợp với định hướng phát triển đúng đắn những cũng rất linh hoạt nhằm đáp ứng với những chuyển biến khó lường của nền kinh tế trong và ngoài nước để dần khẳng định vị thế của mình trong thị trường.

Là sinh viên của Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu, với đề tài “Một số giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh xuất khẩu hàng Surimi bằng đường biển của Công ty Cổ phần Thủy sản và Xuất nhập khẩu Côn Đảo (COIMEX)” của mình, em hy vọng đã mang đến cái nhìn tổng quan nhất về quy trình nghiệp vụ của công ty, trên cơ sở đó đưa ra một số đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động xuất khẩu mặt hàng Surimi của công ty. Bên cạnh đó tự đánh giá kết quả quá trình thực tập và rút được thêm kinh nghiệm quý giá cho chính bản thân. Vì vốn kiến thức còn nhiều hạn chế, kinh nghiệm thực tiễn chưa nhiều nên khó tránh khỏi những sai sót trong quá trình viết bài, em rất mong nhận được những hướng dẫn, chỉ bảo từ phía Quý Thầy, Cô giúp em hoàn thiện kiến thức trong quá trình học tập và công tác về sau.

Một lần nữa em xin cảm ơn cô ThS. Ngô Thị Tuyết - Giáo viên hướng dẫn và Các anh chị tại Công ty COIMEX đã tận tình hướng dẫn bài để em có thể hoàn thành tốt bài Khóa luận tốt nghiệp này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các văn bản tham khảo:

1. Báo cáo tình hình hoạt động SXKD 2021 - Phương hướng nhiệm vụ kế hoạch 2022 của COIMEX.
2. Báo cáo tình hình hoạt động SXKD 2022 - Phương hướng nhiệm vụ kế hoạch 2023 của COIMEX.
3. Báo cáo tình hình hoạt động SXKD 2023 - Phương hướng nhiệm vụ kế hoạch 2024 của COIMEX.

Các website tham khảo:

4. “Hướng dẫn khai báo CO điện tử trên Ecosys”:

<https://ecosys.gov.vn/Homepage/GuideDetailByAlias.aspx?CateAlias=huong-dan-khai-bao-CO>

5. “Thị trường xuất khẩu surimi và bột cá còn nhiều tiềm năng”:

<https://chongbanphagia.vn/thi-truong-xuat-khau-surimi-va-bot-ca-con-nhieu-tiem-nang-n27992.html>

6. “Trang website của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI”:

<https://chongbanphagia.vn/>

7. “Tìm giải pháp gia tăng xuất khẩu surimi và bột cá”

<https://haiquanonline.com.vn/tim-giai-phap-gia-tang-xuat-khau-surimi-va-bot-ca-181688.html>

8. “Xuất khẩu surimi của Việt Nam: tiềm năng và thách thức (04-07-2024)”

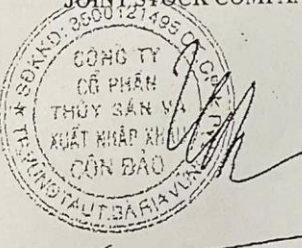
<https://tongcucthuysan.gov.vn/doc-tin/020948/2024-07-09/xuat-khau-surimi-cua-viet-nam-tiem-nang-va-thach-thuc>

9. “Trang website của COIMEX”:

<https://coimexvn.com.vn/>

PHỤ LỤC

Bộ chứng từ xuất khẩu hàng hóa của Công ty cổ phần Thủy sản và Xuất nhập khẩu Côn Đảo (COIMEX):

 CONDAO SEAPRODUCTS AND IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY (COIMEX) 40 LE HONG PHONG ST, VUNGTAU CITY, VIETNAM				
COMMERCIAL INVOICE				
BUYER SEA MASTER FOOD SDN BHD 2446, MK 1, SOLOK PERUSAHAAN SATU, KAWASAN PERUSAHAAN PERAI, 13600 PERAI, PENANG, MALAYSIA.			DATE 15 JUN., 2024 INVOICE No 240619	
SHIPPED PER AN HAI 017S		SAILING ON OR ABOUT 19 JUN., 2024		DC NO. S700552440025 DATE : 240607
FROM HOCHIMINH PORT VIETNAM			TO VENICE PORT, ITALY	
ITEM NOS.	DESCRIPTIONS	QUANTITY (KGS)	UNIT PRICE (USD/KG)	TOTAL AMOUNT USD CFR VENICE, ITALY
FROZEN SURIMI PRODUCTS				
1	ITEM CODE 201220030 18.600,00 KGS PRAWN TAIL 500G IQF PLAIN BAG WITH STICKER X 20/MCTN PAPRIKA (SEAPACK BRAND)	18,600.00		
2	ITEM CODE 402110053 400,00 KGS SURIMI SHREDDED 500G VP PLAIN BAG WITH STICKER X 20/MCTN (SEAPACK BRAND)	400.00		
AS PER CONTRACT OF SALE NO. 10-2024(R1) DATED 04 JUNE 2024 DELIVERY TERMS: CFR VENICE, ITALY AS PER INCOTERMS(R) 2020				
TOTAL :		19,000.00		
<i>SAY : US DOLLARS SEVENTY THREE THOUSAND ONE HUNDRED AND NINETY TWO ONLY.</i>				
CONDAO SEAPRODUCTS AND IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY (COIMEX)  GENERAL DIRECTOR TRUONG BACH THE			PLEASE T/T TO : Seller Bank : VIET NAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE, BA RIA VUNG TAU BRANCH. Address : 159A NAM KY KHOI NGHIA STREET, WARD 3, VUNG TAU CITY, BA RIA VUNG TAU PROVINCE, VIETNAM SWIFT CODE : ICBVVNVX880 Account No.: 115000197651 Beneficiary : CONDAO SEAPRODUCTS AND IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY (COIMEX)	



CONDAO SEAPRODUCTS AND IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY
(COIMEX)
40 LE HONG PHONG ST, VUNGTAU CITY, VIETNAM

PACKING LIST

BUYER:		DATE			
		15 JUN.,2024			
SHIPPED PER AN HAI 017S		SAILING ON OR ABOUT 19 JUN.,2024		PACKING LIST No	
				240619	
FROM HOCHIMINH PORT VIETNAM		TO VENICE PORT, ITALY		DC NO. S700552440025	
				DATE : 240607	
ITEM NOS.	DESCRIPTIONS	QUANTITY (CTNS)	NET WEIGHT (KGS)	GROSS WEIGHT (KGS)	MEASUREMENT (CBM)
	FROZEN SURIMI PRODUCTS				
1	ITEM CODE 201220030 18.600,00 KGS PRAWN TAIL 500G IQF PLAIN BAG WITH STICKER X 20/MCTN PAPRIKA (SEAPACK BRAND)	1,860.00	18,600.00		40.92
2	ITEM CODE 402110053 400,00 KGS SURIMI SHREDDED 500G VP PLAIN BAG WITH STICKER X 20/MCTN (SEAPACK BRAND)	40.00	400.00		0.88
	AS PER CONTRACT OF SALE NO. 10-2024(R1) DATED 04 JUNE 2024 DELIVERY TERMS: CFR VENICE, ITALY AS PER INCOTERMS(R) 2020				
	TOTAL :	1,900.00	19,000.00		41.80
TOTAL PACKED IN 1,900 (ONE THOUSAND NINE HUNDRED) CARTONS ONLY					

CONDAO SEAPRODUCTS AND IMPORT EXPORT
JOINT STOCK COMPANY (COIMEX)



GENERAL DIRECTOR
TRUONG BACH THE



SEA MASTER FOOD SDN BHD

(COMPANY NO : 204341-V)
2446, MK 1, SOLOK PERUSAHAAN SATU, KAWASAN PERUSAHAAN PERAI,
13600 PERAI, PENANG, MALAYSIA.
Tel: 604 390 8171 Fax: 604 383 0072

A MEMBER OF TEXCHEM GROUP

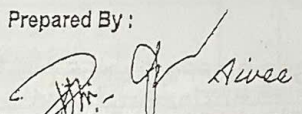
Date: 18/04/2024		CONTRACT		No. : SMF/0424/095	
THE SELLER: CONDAO SEAPRODUCTS AND IMPORT EXPORT JOINT STOCK CO. (COIMEX) Add : 40 Le Hong Phong, Vung Tau City, Ba Ria-Vung Tau Province, Vietnam Tel : 84.0254.3837794; 84.0254.3839507; Fax: 84.0254.3839360 Represented by Mr. TRUONG BACH THE- General Director					
THE BUYER: SEA MASTER FOOD SDN BHD Add: 2446, MK 1, SOLOK PERUSAHAAN SATU, KAWASAN PERUSAHAAN PERAI, 13600 PERAI, PENANG, MALAYSIA. TEL: 604 390 8171. FAX: 604 383 0072 Represented by MASAYUKI SUGINO.					
Description & Specification of Product	Quantity (Carton)	Quantity (KGS)	Unit Price (USD)	Amount (USD)	
FROZEN SURIMI PRODUCTS 201220030 PRAWN TAIL 500G IQF PLAIN BAG WITH STICKER X 20/MCTN PAPRIKA (SEAPACK BRAND)	1,860.00	18,600.00			
402110053 SURIMI SHREDDED 500G VP PLAIN BAG WITH STICKER X 20/MCTN (SEAPACK BRAND)	40.00	400.00			
CONSIGNEE: PESCA MAR DI BALLARIN MARCO E C SO STRADA STATALE ROMEO KM. 92,630 30015 CHIOGGIA (VE) ITALY					
TOTAL	1,900	19,000.00			
Date of Delivery/ shipment term: End Jun 2024 / CFR VENICE		Special Condition for Manufacturing:			
Port of Loading/ Port of Destination : Port of Vietnam / Venice, Italy		Packaging Instructions: 1. As per Seapack Product specification			
Payment Term: TT 14 days after B/L date		Remark: Quantities plus/minus: 10% Allowed			

THE SELLER: CONDAO SEAPRODUCTS AND IMPORT
EXPORT JOINT STOCK COMPANY (COIMEX)

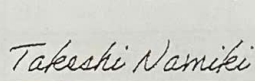


GENERAL DIRECTOR
TRUONG BACH THE

Prepared By :


Name : Amani

Checked & Approved By :


Name : Takeshi Namiki

Approved By :


Name : Ooi Khye Soon

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)				1/3
Số tờ khai	306503426520	Số tờ khai đầu tiên	306503426520	
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng				
Mã phân loại kiểm tra	1	Mã loại hình	E62	2
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		CCATLOVT		
Ngày đăng ký	15/06/2024 08:30:29	Mã số thuế đại diện	1604	
Thời hạn tái nhập/ tái xuất	/ / -	Mã bộ phận xử lý tờ khai	00	
		Ngày thay đổi đăng ký	/ /	
Người xuất khẩu				
Mã	3500121495			
Tên	Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Và Xuất Nhập Khẩu Côn Đảo			
Mã bưu chính	(+84) 64			
Địa chỉ	40 Lê Hồng Phong , F 4 , TP Vũng Tàu			
Số điện thoại	02543543004			
Người ủy thác xuất khẩu				
Mã				
Tên				
Người nhập khẩu				
Mã				
Tên	SEA MASTER FOOD SDN BHD			
Mã bưu chính				
Địa chỉ	2446, MK 1 , SOLOK PERUSAHAAN SATU	KAWASAN PERUSAHAAN PERAI		
	13600 PERAI PENANG	MALAYSIA		
Mã nước				
Đại lý Hải quan		Mã nhân viên Hải quan		
Số vận đơn	122400028617263			
Số lượng	1.900	CT		
Tổng trọng lượng hàng (Gross)	19.950	KGM		
Địa điểm lưu kho	51BEC06	CTY TS XNK CON DAO		
Địa điểm nhận hàng cuối cùng	ITVCE	VENEZIA		
Địa điểm xếp hàng	VNCLI	CANG CAT LAI (HCM)		
Phương tiện vận chuyển dự kiến	9999	AN HAI/017S		
Ngày hàng đi dự kiến	19/06/2024			
Ký hiệu và số hiệu				
Giấy phép xuất khẩu		Số hóa đơn	A	240619
1		Số tiếp nhận hóa đơn điện tử		
2		Ngày phát hành	15/06/2024	
3		Phương thức thanh toán	TTR	
4		Tổng trị giá hóa đơn	CFR - USD -	- A
5		Tổng trị giá tính thuế	USD -	
		Tỷ giá tính thuế	USD - 25.213	-
		Tổng hệ số phân bổ trị giá		-
Phân loại không cần quy đổi VND		Người nộp thuế	Mã xác định thời hạn nộp thuế	Phân loại nộp thuế A
Tổng số tiền thuế xuất khẩu		Tổng số tiền lệ phí		VND
Số tiền bảo lãnh				
Tổng số trang của tờ khai		3	Tổng số dòng hàng của tờ khai	2
Số đính kèm khai báo điện tử	1	2	3	-
Phần ghi chú	Kính đề nghị Lãnh đạo CCHQ cảng Cát Lở cho DN chuyển của khẩu từ TP VT - CÁT LỞ - TP HCM			
Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp		Số quản lý người sử dụng	00135	
Mục thông báo của Hải quan				
Tên trường đơn vị Hải quan	CCT CC HQ Cảng Cát Lở Vũng Tàu			
Ngày hoàn thành kiểm tra	15/06/2024 08:30:11			
Ngày cấp phép xuất nhập	15/06/2024 08:30:11			
Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)	16/06/2024			
	Địa điểm	Ngày đến	Ngày khởi hành	
Thông tin trung chuyển	1	/ /	/ /	
	2	/ /	/ /	
	3	/ /	/ /	
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế	02CIS01	16/06/2024		

2/3

Số tờ khai: **306503426520**

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng: 1

Mã phân loại kiểm tra: 1

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai: 15/06/2024 08:30:29

Ngày đăng ký: 15/06/2024 08:30:29

Thời hạn tái nhập/ tái xuất: / /

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

Số tờ khai đầu tiên: - /

Mã loại hình: E62 2

CCATLOVT

Mã số thuế đại diện: 1604

Mã bộ phận xử lý tờ khai: 00

Ngày thay đổi đăng ký: / /

Vanning

Địa điểm xếp hàng lên xe chở hàng: 1 51BEC06 2 3 4 5

Mã: 1 51BEC06 2 3 4 5

Tên: CONG TY CP THUY SAN & XNK CON DAO

Địa chỉ: 40 LE HONG PHONG, F 4, TP VUNG TAU

Số container:

1	TTNU8674321	2	3	4	5
6		7	8	9	10
11		12	13	14	15
16		17	18	19	20
21		22	23	24	25
26		27	28	29	30
31		32	33	34	35
36		37	38	39	40
41		42	43	44	45
46		47	48	49	50

Chỉ thị của Hải quan

	Ngày	Tên	Nội dung
1	/ /		
2	/ /		
3	/ /		
4	/ /		
5	/ /		
6	/ /		
7	/ /		
8	/ /		
9	/ /		
10	/ /		

3/3

Số tờ khai: **306503426520**

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng: 1

Mã phân loại kiểm tra: 1

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai: 15/06/2024 08:30:29

Ngày đăng ký: 15/06/2024 08:30:29

Thời hạn tái nhập/ tái xuất: / /

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

Số tờ khai đầu tiên: - /

Mã loại hình: E62 2

CCATLOVT

Mã số thuế đại diện: 1604

Mã bộ phận xử lý tờ khai: 00

Ngày thay đổi đăng ký: / /

Mã số hàng hóa: 16042099

Mô tả hàng hóa: 0924#Thịt cá xay mô phỏng tôm đông lạnh#VN

Mã quản lý riêng: 251BE

Mô tả hàng hóa: 0924#Thịt cá xay mô phỏng tôm đông lạnh#VN

Số lượng (1): 18.600 KGM

Số lượng (2): 18.600 KGM

Đơn giá hóa đơn: - USD - KGM

Trị giá hóa đơn: VND

Thuế xuất khẩu: VND

Trị giá tính thuế (S): VND

Số lượng tính thuế: VND

Thuế suất: 0%

Số tiền thuế: VND

Số tiền miễn giảm: VND

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng: VND

Danh mục miễn thuế xuất khẩu: VND

Tiền lệ phí: VND

Đơn giá: VND

Số lượng: VND

Khoản tiền: VND

Mã văn bản pháp luật khác: VND

Miễn / Giảm / Không chịu thuế xuất khẩu: VND

Mã số hàng hóa: 16042099

Mô tả hàng hóa: 0824#Thịt cá xay mô phỏng thanh cua đông lạnh#VN

Mã quản lý riêng: 251BE

Mô tả hàng hóa: 0824#Thịt cá xay mô phỏng thanh cua đông lạnh#VN

Số lượng (1): 400 KGM

Số lượng (2): 400 KGM

Đơn giá hóa đơn: - USD - KGM

Trị giá hóa đơn: VND

Thuế xuất khẩu: VND

Trị giá tính thuế (S): VND

Số lượng tính thuế: VND

Thuế suất: 0%

Số tiền thuế: VND

Số tiền miễn giảm: VND

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng: VND

Danh mục miễn thuế xuất khẩu: VND

Tiền lệ phí: VND

Đơn giá: VND

Số lượng: VND

Khoản tiền: VND

Mã văn bản pháp luật khác: VND

Miễn / Giảm / Không chịu thuế xuất khẩu: VND



中远海运集装箱运输有限公司
COSCO SHIPPING LINES CO., LTD.

ORIGINAL

PAGE: 1 OF 2

Tel: +86 21 3512 4888

E-Business: elines.coscoshipping.com

PORT TO PORT OR COMBINED TRANSPORT BILL OF LADING

1. Shipper Insert Name Address and Phone/Fax CONDAO SEAPRODUCTS AND IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY (COIMEX) 40 LE HONG PHONG ST, VUNGTAU CITY, VIETNAM		Booking No. 6387654440		Bill of Lading No. COSU6387654440	
2. Consignee Insert Name Address and Phone/Fax		Forwarding Agent and References			
3. Notify Party Insert Name Address and Phone/Fax (It is agreed that no responsibility shall attach to the Carrier or his agents for failure to notify)		Also Notify Party-routing & Instructions			
4. Combined Transport * Pre-Carriage by		5. Combined Transport * Place of Receipt HOCHIMINH PORT VIETNAM		Service Contract No.	
6. Ocean Vessel Voy. No. AN HAI 0175		7. Port of Loading HOCHIMINH PORT VIETNAM		Doc. Form No. 1	
8. Port of Discharge VENICE PORT, ITALY		9. Combined Transport * Place of Delivery VENICE PORT, ITALY		Type of Movement FCL / FCL CY-CY	
Marks & Nos. Container / Seal No.	No. of Container or Packages	Description of Goods (If Dangerous Goods, See Clause 21)		Gross Weight	Measurement
TTNU8674321 / 270	52234 /	1900 CARTONS / FCL/FCL / 40RQ/			
NONE	1900 CARTONS	FROZEN SURIMI PRODUCTS ITEM CODE 201220030 18.600,00 KGS PRAWN TAIL 500G IQF PLAIN BAG WITH STICKER X 20/MCTN PAPRIKA (SEAPACK BRAND) ITEM CODE 402110053 400,00 KGS SURIMI SHREDDED 500G VP PLAIN BAG WITH STICKER X 20/MCTN (SEAPACK BRAND) AS PER CONTRACT OF SALE NO. 10-2024 (R1) DATED 04 JUNE 2024 ** TO BE CONTINUED ON ATTACHED LIST **		19950.000KGS	41.8000CBM

COSCO SHIPPING
COMPANY

Declared Cargo Value US\$ Description of Contents for Shipper's Use Only (Not part of This B/L Contract) AS AGENT

10. Total Number of Containers and/or Packages (in words) SAY ONE CONTAINER TOTAL

Subject to Clause 8 Limitation of Liability

1. Freight & Charges	Revenue Tons	Rate	Per	Amount	Prepaid	Collect	Freight & Charges Payable at / by

elived in external apparent good order and condition except as otherwise noted. The total number of the packages or units
ffed in the container, the description of the goods and the weights shown in this Bill of Lading are furnished by the
chants, and which the carrier has no reasonable means of checking and is not a part of this Bill of Lading contract.
carrier has issued 3 original Bills of Lading, all of this tenor and date, one of the original Bills of Lading
be surrendered and endorsed or signed against the delivery of the shipment and whereupon any other original Bills of
ng shall be void. The merchants agree to be bound by the terms and conditions of this Bill of Lading as if each had
onally signed this Bill of Lading.
licable Only When Document Used as a Combined Transport Bill of Lading.
rrage and Detention shall be charged according to the tariff published on the Home page of <http://lines.coscoshipping.com>.
If any ambiguity or query, please search by Demurrage & Detention Tariff Enquiry. The complete TERMS AND CONDITIONS
ring on the reverse side of this Bill of Lading are available at <http://lines.coscoshipping.com>, which also provides
services and more detailed information.

COSCO SHIPPING LINES (VIETNAM)

Date Laden on Board 19 JUN 2024

Signed by: COMPANY LIMITED

Handwritten signature

5 Date of Issue 19 JUN 2024 Place of Issue HO CHI MINH

Signed for the Carrier, COSCO SHIPPING LINES CO., LTD.

AS AGENT

Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu
CC HQ Cảng Cát Lở Vũng Tàu

Ngày 16 tháng 06 năm 2024

DANH SÁCH CONTAINER
ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN
Tờ khai không phải niêm phong

- | | |
|--|--|
| 1. Chi cục hải quan giám sát: CC HQ CK Cảng Sài Gòn KV I - 02CIS01: TONG CTY TAN CANG SG - 2 | 6. Ngày tờ khai: 15/06/2024 - 19/06/2024 |
| 2. Đơn vị XNK: Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Và Xuất Nhập Khẩu Côn Đảo | 7. Loại hình: Xuất sản phẩm sản xuất xuất khẩu |
| 3. Mã số thuế: 3500121495 | 8. Luồng: Xanh |
| 4. Số tờ khai: 306503426520 | |
| 5. Trạng thái tờ khai: Thông quan | |
| 9. Số quản lý hàng hóa: 122400028617263 | |

STT	SỐ HIỆU CONTAINER (1)	SỐ SEAL CONTAINER (nếu có) (2)	SỐ SEAL HẢI QUAN (nếu có) (3)	XÁC NHẬN CỦA BỘ PHẬN GIÁM SÁT HẢI QUAN (4)	MÃ VẠCH (5)
1	TTNU8674321	NA			

Kết xuất dữ liệu lúc: 16/06/2024 03:02 PM

Lưu bảng kê

Ghi chú:

- Cột số (1):
 - + Đối với hàng nhập khẩu: lấy từ Danh sách container do người khai hải quan gửi đến hệ thống.
 - + Đối với hàng xuất khẩu: lấy từ tiêu chí "Số container" trên tờ khai xuất.
- Trường hợp có sự thay đổi số container đã khai báo, căn cứ chứng từ do người khai hải quan nộp, xuất trình, công chức hải quan cập nhật số container vào Hệ thống để in lại danh sách container.
- Cột số (2): Đối với hàng nhập khẩu: lấy từ Danh sách container do người khai hải quan gửi đến hệ thống.